



# **CÔNG TY CỔ PHẦN HẠ TẦNG NƯỚC SÀI GÒN**

## **BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2013**

**SAIGON WATER INFRASTRUCTURE CORPORATION**

7<sup>th</sup> Floor, 60 Nguyen Dinh Chieu St., Dist.1, HCMC., Vietnam • Tel: +848 6291 8483 • Fax: +848 6291 8489 • [saigonwater.com.vn](http://saigonwater.com.vn)

## Mục lục

<b>I. THÔNG TIN CHUNG</b> .....	3
1. Thông tin khái quát .....	3
2. Quá trình hình thành và phát triển.....	3
3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh.....	4
4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý.....	4
5. Định hướng phát triển.....	7
6. Các rủi ro.....	8
<b>II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM</b> .....	12
1. Tình hình thực hiện hoạt động SXKD .....	12
2. Tổ chức và nhân sự.....	12
3. Tình hình đầu tư, thực hiện các dự án.....	25
4. Tình hình tài chính .....	26
5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu .....	27
<b>III. BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC</b> .....	29
1. Đánh giá kết quả hoạt động KD .....	29
2. Tình hình tài chính .....	29
3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý .....	30
4. Kế hoạch hoạt động trong năm 2013.....	30
5. Kế hoạch phát triển trong tương lai.....	31
<b>IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY</b> .....	32
1. Đánh giá về hoạt động của công ty .....	32
2. Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban Giám Đốc.....	32
3. Kế hoạch, định hướng của HĐQT.....	33
<b>V. QUẢN TRỊ CÔNG TY</b> .....	33
1. Hội đồng quản trị.....	33
2. Ban kiểm soát .....	41
3. Các giao dịch, thù lao, các khoản lợi ích khác của HĐQT, Ban Giám Đốc, Ban Kiểm soát	41
4. Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty. ....	43
<b>VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH:</b> .....	43
1. Ý kiến kiểm toán:.....	43
2. Báo cáo tài chính được kiểm toán .....	43
<i>2.1. Báo cáo tài chính được kiểm toán: .....</i>	<i>43</i>
<i>2.2. Địa chỉ công bố và cung cấp báo cáo tài chính công ty mẹ và báo cáo tài chính hợp nhất: .....</i>	<i>43</i>

## I. THÔNG TIN CHUNG

### 1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: **Công ty Cổ phần Hạ tầng Nước Sài Gòn**
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0303476454 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP.HCM cấp lần đầu ngày 27/08/2004 cấp thay đổi lần thứ 13 ngày 27/02/2013
- Vốn điều lệ: **583,700,000,000 đồng**
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: **583,700,000,000 đồng**
- Địa chỉ: Lầu 7, tòa nhà 60NDC, số 60 Nguyễn Đình Chiểu, Phường Đa Kao, Quận 1, TP.HCM
- Điện thoại: (84.8) 62918483
- Số fax: (84.8) 62918489
- Website: www.sii.vn
- Mã cổ phiếu: **SII**

### 2. Quá trình hình thành và phát triển

- Tiền thân với tên gọi là CTCP Xây dựng Việt Thành – số ĐKKD là 4103002620 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP.HCM cấp vào ngày 27 tháng 08 năm 2004, có trụ sở tại 115/7P Nguyễn Kiệm, Phường 3, Quận Gò Vấp; Vốn ban đầu là 550 triệu đồng và hoạt động trong lĩnh vực mua bán vật liệu xây dựng, phụ tùng; dịch vụ cho thuê thiết bị và xây dựng các công trình cầu đường, bến cảng, nhà ga, công nghiệp...
- Ngày 27/10/2004, Công ty thực hiện tăng vốn lên 3 tỷ đồng và bổ sung thêm ngành nghề Dịch vụ tư vấn về quản lý và giám sát thi công công trình.
- Ngày 09/01/2006, bổ sung thêm ngành kinh doanh: Tư vấn đầu tư, xây dựng; thiết kế công trình giao thông; thiết kế công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị; thẩm tra thiết kế, dự toán công trình; lập dự toán, tổng dự toán công trình; thí nghiệm, kiểm nghiệm vật liệu xây dựng.
- Đến ngày 25/06/2009, Công ty chuyển trụ sở về 211/4 Lê Văn Thọ, Phường 9, Quận Gò Vấp.
- Tháng 5/2010, chính thức được chuyển thành tên CTCP Đầu tư Hạ tầng Bất động sản Sài Gòn (SII JSC) với số vốn đăng ký hiện tại là 400 tỷ đồng, đồng thời chuyển trụ sở về số 50 Tôn Thất Đạm, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1.
- Tháng 5/2011, SII quyết định xây dựng và lựa chọn lĩnh vực kinh doanh chính “Ngành Hạ Tầng Môi Trường”.
- Tháng 9/2011, SII mua công ty CP Kỹ thuật Enviro để xây dựng nền tảng công nghệ, mở rộng chuỗi giá trị trong lĩnh vực kinh doanh của mình.
- Tháng 2/2013, SII thay đổi tên Công ty thành Công ty Cổ phần Hạ tầng Nước Sài Gòn (Saigon Water) để phù hợp với chiến lược kinh doanh của Công ty.

- Tháng 8/2013, Saigon Water ký hợp đồng đầu tư với đối tác chiến lược là Manila Water, phát hành thành tăng vốn thành công từ 400 tỷ đồng, lên 583.7 tỷ đồng.

### 3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

#### Ngành nghề kinh doanh

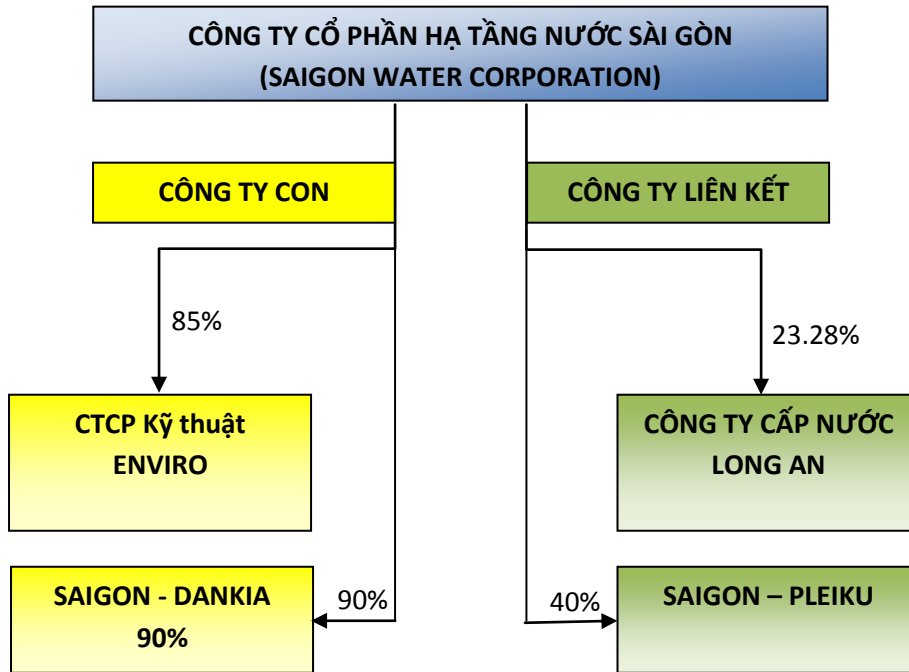
- Bán buôn máy móc, Thiết bị và phụ tùng máy khác chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị điện, thiết bị điều khiển – đo lường;
- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp;
- Hoạt động thiết kế chuyên dụng;
- Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại (Không hoạt động tại trụ sở);
- Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu, chi tiết: Tư vấn về môi trường, tư vấn về công nghệ khác (Trừ tư vấn pháp luật);
- Sản xuất sản phẩm từ plastic (Không sản xuất tại trụ sở);
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan chi tiết: Thiết kế xây dựng công trình xử lý chất thải;
- Bán buôn thiết bị cấp - thoát nước, hệ thống xử lý nước sạch-nước thải. Bán buôn vật tư-thiết bị - phụ tùng ngành công nghiệp, thiết bị xử lý môi trường. Bán buôn hoá chất khác (Trừ loại sử dụng trong nông nghiệp);
- Nuôi trồng thủy sản nội địa: Nuôi trồng thủy sản nước lợ - nước ngọt và sản xuất giống thủy sản ( không hoạt động tại trụ sở);
- Sản xuất thiết bị điện khác (Không hoạt động tại trụ sở);
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác: Cho thuê máy móc, thiết bị nông, lâm nghiệp, xây dựng;
- Xây dựng công trình cầu đường, bến cảng, nhà ga, dân dụng, công nghiệp, thủy lợi, xử lý nước thải, cấp thoát nước sinh hoạt, điện chiếu sáng và trạm biến áp. Dịch vụ tư vấn về quản lý(trừ tư vấn tài chính). Giám sát thi công công trình. Thí nghiệm, kiểm nghiệm vật liệu xây dựng. Kinh doanh bất động sản.

#### Địa bàn kinh doanh

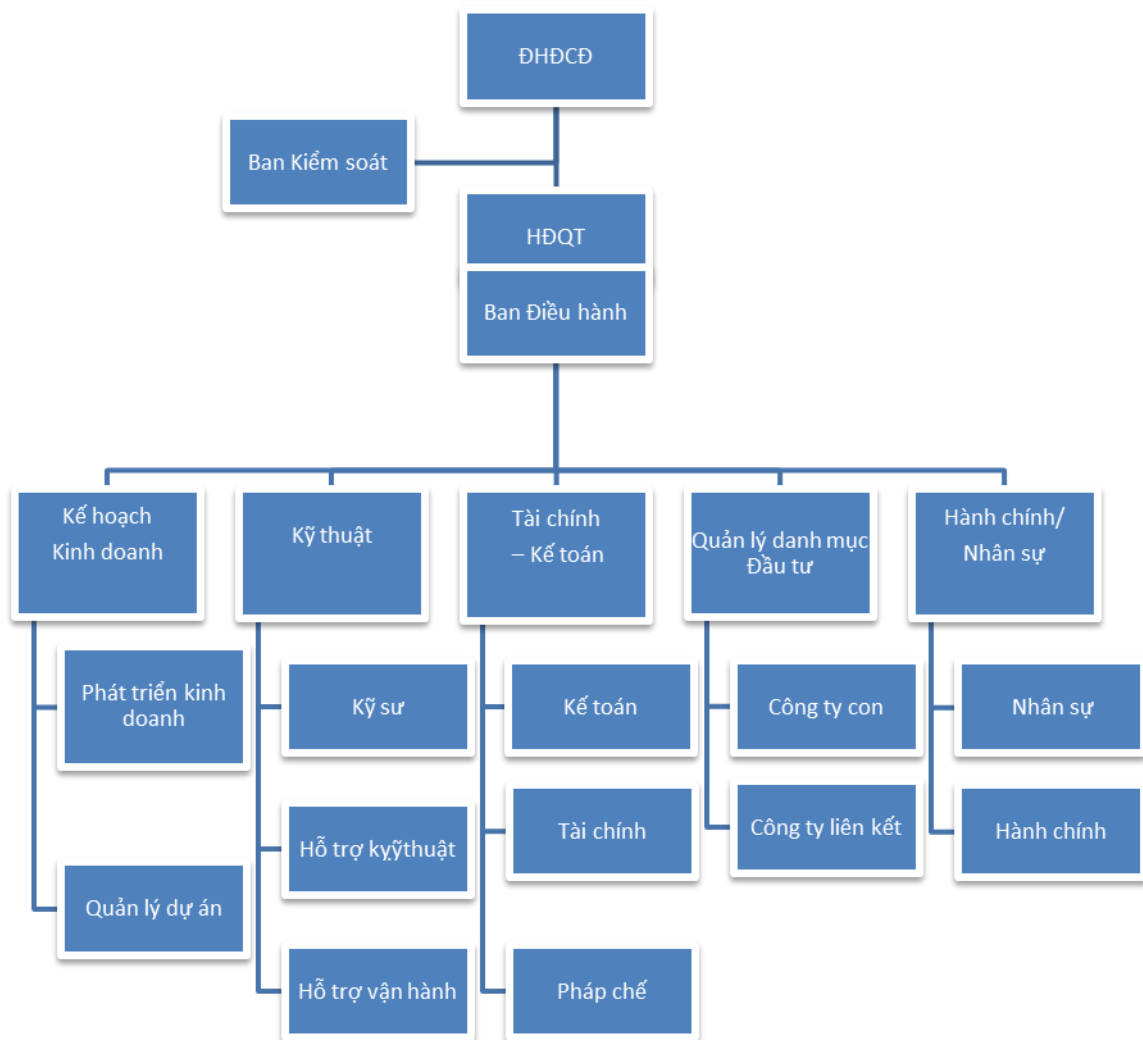
- Đối với hoạt động đầu tư hạ tầng nước, hiện công ty vẫn đang tập trung đầu tư ở khu vực Thành phố Hồ chí Minh và các tỉnh lân cận có tiềm năng ở Miền Nam như Long An v.v.. và Cao Nguyên như Lâm Đồng, Gia Lai.
- Đối với hoạt động dịch vụ kỹ thuật môi trường, địa bàn kinh doanh của Công ty tập trung ở khu vực Thành phố Hồ Chí Minh, Bình Dương, Long An, Lâm Đồng, Gia Lai và các tỉnh thành ở Miền Nam.

### 4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

#### Mô hình quản trị



📌 Cơ cấu bộ máy quản lý



## Công ty có 2 Công ty con

### (1). Công ty Cổ phần Kỹ thuật ENVIRO

- Vốn điều lệ của ENVIRO: 3 tỷ đồng
- Saigon Water tham gia góp vốn: 85% vốn điều lệ

#### ***Lĩnh vực hoạt động của ENVIRO:***

- Thiết kế, chế tạo, cung cấp các thiết bị; các dịch vụ kỹ thuật; các bí quyết công nghệ... trong lĩnh vực môi trường theo định hướng của Công ty cho thị trường;
- Thiết kế, chế tạo, cung cấp các thiết bị; các dịch vụ kỹ thuật trong lĩnh vực môi trường cho các dự án do công ty đầu tư, khai thác;
- Huấn luyện, đào tạo và chuyển giao công nghệ cho các hoạt động cung cấp dịch vụ vận hành & bảo dưỡng (O&M) cho các nhà máy;
- Cung cấp dịch vụ hậu mãi cho lĩnh vực môi trường.

### (2). Công ty CP Cấp nước Sài Gòn – Dankia:

- Vốn điều lệ: 100 tỷ đồng
- Saigon Water tham gia góp: 90% vốn điều lệ

#### ***Lĩnh vực hoạt động của Sài Gòn – Dankia:***

- Khai thác, xử lý và cung cấp nước;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác (Xây dựng mạng lưới điện 35KV, xây dựng công trình cấp thoát nước thải);
- Đầu tư xây dựng công trình thủy điện. Khai thác, chế biến khoáng sản.

## Công ty có 2 Công ty liên kết

### (1). Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Long An:

Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Long An tiền thân là Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Long An. Theo tiến trình cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước, ngày 18/06/2013 Công ty Cổ phần Hạ tầng nước Sài Gòn (“Saigon Water”) đã nộp hồ sơ tham gia đấu giá cổ phần phát hành lần đầu ra công chúng của Công ty TNHH MTV Cấp nước Long An (“LAWACO”) và đến ngày 26/06/2013 Công ty đã nhận được thông báo của Ban tổ chức đấu giá tuyên bố Công ty đã trúng thầu 3.143.440 cổ phần, chiếm tỷ lệ 23,28% vốn điều lệ của Công ty TNHH MTV Cấp nước Long An.

- Vốn điều lệ: 135 tỷ đồng
- Công ty Saigon Water góp 23,28% (Giá trị đầu tư 31.750.000.000 đồng).

### (2). Công ty CP Cấp nước Sài Gòn – Pleiku:

- Vốn điều lệ: 90 tỷ đồng
- Công ty Saigon Water tham gia góp: 40% vốn điều lệ

#### ***Lĩnh vực hoạt động của Sài Gòn – Pleiku:***

- Khai thác, xử lý và cung cấp nước (khai thác xử lý và cung cấp nước sạch);

- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác (Đầu tư xây dựng, khai thác kinh doanh nhà máy nước; đầu tư xây dựng các công trình kỹ thuật trong lĩnh vực hạ tầng cấp thoát nước, xử lý nước và nước thải);

## 5. Định hướng phát triển

### 🚦 Tầm nhìn

“Saigon Water sẽ sớm trở thành biểu tượng số 01 của nhà phát triển hạ tầng trong ngành công nghiệp nước sạch và nước thải tại Việt Nam, việc cung cấp các giải pháp hiệu quả để mang lại lợi ích lâu dài cho cộng đồng là nền tảng của chúng tôi để tạo ra lợi nhuận bền vững cho Saigon Water”



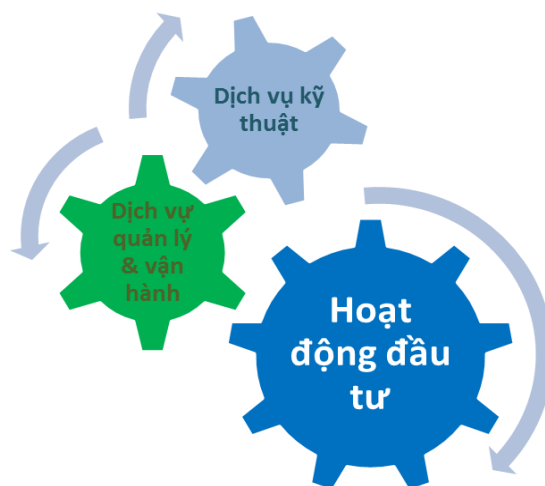
### 🚦 Sứ mệnh

“Cống hiến cho cộng đồng ngành nước với giải pháp tổng thể và góp phần tạo dựng giá trị bền vững của Công ty”.

### 🚦 Định hướng chiến lược phát triển

Tập trung vào 3 mảng kinh doanh cốt lõi:

- + Đầu tư phát triển các dự án về xử lý môi trường nước
- + Dịch vụ kỹ thuật môi trường nước
- + Phát triển dịch vụ vận hành, bảo trì (O&M) trong lĩnh vực môi trường nước



### ❖ Đầu tư phát triển các dự án về xử lý môi trường nước (Investment)

- Xây dựng và phát triển các dự án đầu tư thuộc lĩnh vực kinh doanh chính của Công ty đã xác định (tạo nguồn hàng)

- Tái cấu trúc các dự án đầu tư hiện hữu để chuẩn hóa lĩnh vực đầu tư tài chính
- Thoát vốn đầu tư cho các đối tác đầu tư chuyên ngành để tái đầu tư vào các dự án mới, vẫn duy trì một tỷ lệ sở hữu thích hợp để đảm bảo hiệu quả cho các nhà đầu tư bằng dịch vụ O&M.

#### ❖ **Dịch vụ kỹ thuật môi trường nước**

- Tiếp tục phát triển thị trường với các giải pháp công nghệ mới cho các lĩnh vực xử lý nước sạch, xử lý nước thải đô thị như: UV, tự động hóa, thiết bị quản lý và kiểm soát rò rỉ, thiết bị dò tìm rò rỉ thông qua chính sách “Free Engineering”
- Phát triển và tăng cường sự hiện diện của các thiết bị và hệ thống do Enviro nghiên cứu, sản xuất.
- Cùng đối tác chiến lược thúc đẩy sự hiện diện và tạo ảnh hưởng công nghệ đối với thị trường bằng giải pháp công nghệ và thiết bị chất lượng cao từ Hoa Kỳ.

#### ❖ **Dịch vụ vận hành bảo trì (O&M) trong lĩnh vực môi trường nước**

- Khai thác dịch vụ từ các dự án do Công ty và các đối tác đầu tư.
- Từng bước mở rộng phạm vi cung cấp dịch vụ cho các khách hàng mới.

#### 🚩 **Các mục tiêu đối với môi trường, cộng đồng và xã hội.**

Vấn đề ô nhiễm môi trường và mất cân bằng sinh thái đang là một vấn đề nóng bỏng và ngày càng trở nên trầm trọng. Việt Nam cũng đang phải đối mặt với các vấn đề nghiêm trọng này. Hơn nữa, Việt Nam phải cam kết thực hiện ngày càng nhiều hơn các quy định quốc tế về bảo vệ môi trường, đảm bảo quá trình phát triển bền vững. Cụ thể, trong lĩnh vực xử lý và cung cấp nước sạch, theo ý kiến của Hội Cấp Thoát Nước Việt Nam, tỷ lệ bao phủ cấp nước chỉ đạt chưa đầy 60% trong các đô thị Việt Nam. Hơn nữa, tỷ lệ thất thoát nước sạch trong ngành cấp nước Việt Nam còn ở mức cao (40- 50%). Đây cũng là một yếu tố làm cho chất lượng các dịch vụ cấp nước hiện có chưa cao, hiệu quả thấp. Ngoài ra, khoảng 1,5 tỷ m<sup>3</sup> nước thải chưa được xử lý đang thải vào môi trường. Trong khi, hiện chỉ có rất ít các nhà máy xử lý nước thải được xây dựng và vận hành (120 triệu m<sup>3</sup> được xử lý hàng năm). Điều này cho thấy, chưa đầy 10% sản lượng nước thải hàng ngày được xử lý. Cho nên, nhu cầu xử lý nước thải cũng là một nhu cầu to lớn trong 20 năm tới.

Với khả năng và thế mạnh của mình, cũng như cơ hội của thị trường, Công ty có khả năng cung cấp các giải pháp tổng thể cho ngành (đầu tư, dịch vụ kỹ thuật, vận hành) và sẽ có được những “Giải pháp hiệu quả để mang lại lợi ích lâu dài cho cộng đồng là nền tảng tạo nên lợi nhuận bền vững của doanh nghiệp”. Qua đó, “Cống hiến cho cộng đồng những công trình hạ tầng nước thông qua giải pháp tổng thể và mang lại cho doanh nghiệp các giá trị bền vững”.

### **1. Các rủi ro**

#### 🚩 **Rủi ro kinh tế**

***Tốc độ tăng trưởng kinh tế:***



Việt Nam là một trong những quốc gia có tỉ lệ tăng trưởng GDP cao trong các năm vừa qua dù đã trải qua nhiều khó khăn trong năm 2008 và 2009. Trong năm 2010, các yếu tố kinh tế vĩ mô của Việt Nam có những bất ổn, đặc biệt là mức thâm hụt ngân sách gia tăng và lạm phát cao. Mức bội chi ngân sách năm 2010 được dự đoán ở mức 5,8% GDP và lạm phát ở mức 11,75%. Tuy nhiên, tỉ lệ tăng trưởng GDP của Việt Nam năm 2010 vẫn đạt được mức tăng trưởng khá cao, đạt 6,78% (mục tiêu của Chính phủ là 6,5%).

Đến năm 2011, trong khi nền kinh tế thế giới đang có nguy cơ suy thoái toàn cầu, đặc biệt với những cuộc khủng hoảng nợ công ở Châu Âu, thì nền kinh tế Việt Nam đã có những chuyển biến đáng khích lệ. Tăng trưởng GDP năm 2011 đạt khoảng 5,89% so với năm trước, tiếp tục duy trì đà tăng trưởng mặc dù tốc độ giảm nhẹ so với cùng kỳ năm 2010 (trong bối cảnh kinh tế thế giới đang suy giảm từ 5,1% xuống 4% và các nước trong khu vực ASEAN có mức tăng trưởng từ 6,9% giảm xuống chỉ còn 5,3%).

Năm	2007	2008	2009	2010	2011	2012	2013
Tăng trưởng GDP (%)	8,44	6,23	5,32	6,78	5,89	5,03	5,42

*Nguồn: Tổng Cục Thống kê*

Bước sang năm 2012, trước thực trạng nền kinh tế trong nước tiếp tục gặp nhiều khó khăn, Chính Phủ ưu tiên mục tiêu kiềm chế lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô nên mức tăng trưởng GDP 2012 chỉ tăng 5,03% so với năm 2011. Tỷ trọng vốn đầu tư so với GDP cũng đạt mức thấp nhất kể từ năm 2000 trở lại đây.

Năm 2013, so với 2012, tuy tình hình cải thiện hơn, nhờ những nỗ lực hỗ trợ của chính phủ, nhưng về cơ bản, nền kinh tế vẫn đang đối diện với những nguy cơ tiềm ẩn như sau:

Nguy cơ tái lạm phát cao kèm theo sự trì trệ của thị trường sẽ làm cho tình hình khó khăn thêm. Tình hình nợ xấu chưa được cải thiện đúng mức, nên dòng tiền vẫn đang bị tắt nghẽn, các gói kích cầu được ban hành nhưng vẫn chưa thực sự được sử dụng hiệu quả. Vì vậy, nền kinh tế vẫn chưa hấp thu được vốn. Tình trạng thiếu vốn vẫn đang còn kéo dài. Khả năng tiếp cận vốn của doanh nghiệp (“DN”) vẫn còn khó khăn, đặc biệt là đối với các DN vừa và nhỏ.

Bên cạnh đó, khả năng kéo giảm lãi suất cho vay không nhiều; khó đáp ứng sự mong đợi của DN, do hoạt động kém hiệu quả của DN lẫn hệ thống ngân hàng thương mại. Nếu lạm phát kỳ vọng cả năm là 7%, thì việc kéo giảm lãi suất tiết kiệm tiền gửi có kỳ hạn không còn nhiều dư địa và lãi suất cho vay vẫn còn khá cao, đặc biệt là lãi suất vay trung - dài hạn. Điều này sẽ không kích thích được các DN đang có thị trường mở rộng đầu tư và vẫn là nguy cơ làm tăng nợ xấu đối với những DN đang nỗ lực phục hồi sản xuất

Ngoài ra, trong năm 2013 tình hình kinh tế thế giới còn diễn biến thất thường, có tác động bất lợi đối với những nền kinh tế có độ mở lớn như nền kinh tế Việt Nam.

Với tình hình trên, tại Kỳ họp thứ 4, Quốc hội khóa XIII đã xác định mục tiêu kinh tế tổng quát của năm 2013 là: “Tăng cường ổn định kinh tế vĩ mô; lạm phát thấp hơn, tăng trưởng cao hơn năm 2012. Đẩy mạnh thực hiện 3 đột phá chiến lược gắn với tái cơ cấu nền kinh tế, chuyển đổi mô hình tăng trưởng...”, với tốc độ tăng GDP khoảng 5,5% và kiểm soát CPI dưới 8%.

Tại Kỳ họp thứ 5 (tháng 5-6/2013), Quốc hội đã sửa đổi một số điều của Luật Thuế thu nhập DN và Luật Thuế giá trị gia tăng nhằm miễn giảm thuế cho một số đối tượng để kích thích thị trường và giảm khó khăn cho DN. Áp dụng thuế suất thu nhập DN là 22% từ tháng 1/2014 và 20% từ tháng 01/2016 để khuyến khích DN mở rộng đầu tư, giảm 50% thuế giá trị gia tăng cho nhà giá thấp....

Nhờ vậy, năm 2013, nền kinh tế Việt Nam bắt đầu hồi phục. Tuy nhiên, để có thể đạt được các chỉ tiêu, mà Nghị quyết của Quốc hội về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2013, thông qua tại Kỳ họp thứ 4 (ngày 08/11/2012) đã đề ra, thì không dễ.

#### **Lạm phát:**

Nhờ chính sách tiền tệ thắt chặt của Chính phủ, tỷ lệ lạm phát liên tục giảm vào năm 2012 và 2013. Lạm phát được giảm xuống hơn 2,5 lần, chỉ còn 6,81% năm 2012, và giảm 3 lần xuống còn 5,92% trong 10 tháng năm 2013 và dự báo cả năm 2013 chỉ ở mức 6,5-7,0%. Trong giai đoạn 2012-2013, CPI tăng cao nhất vào tháng 1/2012 (17,27%) và thấp nhất vào tháng 8/2012 (5,04%) so với cùng kỳ năm trước. Với mức lạm phát 5,92% trong 10 tháng đầu năm 2013, Việt Nam đã nhường lại vị trí là nước có mức lạm phát cao nhất trong khu vực cho Indonesia (8,32%). Việt Nam là một trong những nước thực hiện kiểm soát lạm phát có hiệu quả nhất.

Năm	2007	2008	2009	2010	2011	2012	2013
Ti lệ lạm phát (%)	8,4	22,97	6,52	11,75	18,58	6,81	6,04

*Nguồn: Tổng Cục Thống kê*

Những biến động của nền kinh tế sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến sự phát triển của nền kinh tế nói chung và Công ty nói riêng. Với sự phát triển của nền kinh tế, cùng với nhu cầu phát triển hạ tầng cơ sở trong cả nước ngày càng cao sẽ tác động mạnh đến sự phát triển đến lĩnh vực hoạt động đầu tư của Doanh nghiệp, tạo điều kiện thúc đẩy Công ty ngày càng tốt hơn. Mặc khác Công ty cũng có những khoản mục đầu tư hạ tầng đảm bảo tỷ lệ lợi nhuận nhất định nên thu nhập của Công ty sẽ ổn định trong những năm tới. Do đó, rủi ro kinh tế không phải là một rủi ro lớn đối với hoạt động của những dự án mà Công ty đầu tư vào.

## **Rủ ro về pháp luật**

Là Công ty cổ phần đã đăng ký niêm yết nên hoạt động của Công ty chịu ảnh hưởng của luật doanh nghiệp, luật chứng khoán và thị trường chứng khoán, luật và các quy định khác liên quan đến ngành nghề hoạt động của Công ty... Luật và các văn bản dưới luật trong các lĩnh vực này đang trong quá trình hoàn thiện, sự thay đổi và điều chỉnh luôn có thể xảy ra và khi xảy ra thì sẽ ít hoặc nhiều ảnh hưởng đến hoạt động quản trị, kinh doanh của doanh nghiệp.

## **Rủ ro đầu tư**

Hiện nay hầu hết các khoản đầu tư vào các doanh nghiệp có dự án thực hiện tại Việt Nam cho nên phải chịu sự điều chỉnh bởi những điều kiện kinh tế, chính trị, luật pháp của Việt Nam. Những điều kiện này có sự khác biệt với những quy định phổ biến ở những nước phát triển hơn.

Hoạt động đầu tư của công ty có thể tăng trưởng và mở rộng trong nhiều lĩnh vực khác nhau đặc biệt là danh mục đầu tư thuộc lĩnh vực hạ tầng nước và các dịch vụ đô thị, môi trường và xã hội. Đây là xu hướng đầu tư chính của công ty theo đúng định hướng của Việt Nam hiện nay là sử dụng nguồn lực trong dân chúng để chia sẻ những khó khăn về tài chính của Chính phủ, Chính phủ thì bớt gánh nặng, mà nền kinh tế vẫn phát triển.

Định hướng phát triển của công ty là linh hoạt trong từng thời điểm phù hợp với những thay đổi về nền kinh tế, chính trị và những quy định hiện hành tại Việt Nam. Những chính sách kinh tế của Việt Nam có thể thay đổi, vì vậy việc lựa chọn đầu tư vào những dự án có tính an toàn cao luôn được ưu tiên hàng đầu đối với Công ty, đây cũng là ưu tiên hàng đầu đối với Công ty cho sự phát triển kinh doanh và triển vọng của Công ty trong tương lai.

## **Rủ ro liên quan đến các chính sách tín dụng và lãi suất**

Ngoài khoản đầu tư bằng vốn góp của các cổ đông, Công ty cũng sử dụng nguồn tài trợ từ các tổ chức tín dụng. Trong thời kỳ kinh tế biến động như hiện nay thì việc kiểm soát nền kinh tế đi đúng định hướng phát triển đất nước và để đảm bảo hạn chế thấp nhất những tác động xấu từ sự vỡ nợ mất thanh khoản của các tổ chức tín dụng thì ngân hàng nhà nước đã đưa ra các quy định nhằm kiểm soát chặt chẽ các hoạt động của tổ chức tín dụng một cách hợp lý như giới hạn về mức cho vay đối với kinh doanh BĐS và chứng khoán, quy định về tỷ lệ nợ xấu, đánh giá và phân nhóm các ngân hàng nhằm đưa ra hạn mức tăng trưởng tín dụng trong năm.... Việc làm này đã ảnh hưởng đến hàng loạt các ngân hàng phải co cụm giới hạn cho vay và thay đổi mức lãi suất vay khi lãi suất đầu vào tăng cao đã ảnh hưởng không nhỏ đến chiến lược tài chính của Công ty.

Với tính thận trọng và đảm bảo rủi ro ở mức thấp nhất cho nhà đầu tư, bên cạnh việc đầu tư vào những dự án có quyền thu phí với thu nhập có tính ổn định, thì hơn 78% giá trị trong

danh mục đầu tư của mình, Công ty đều duy trì các thỏa thuận có các khoản đảm bảo lợi nhuận tương đương với chi phí lãi vay.

## **Rủi ro khác**

Các rủi ro khác như thiên tai, hỏa hoạn, dịch họa, v.v... là những rủi ro bất khả kháng ngoài tầm kiểm soát của Công ty. Các rủi ro này nếu xảy ra sẽ gây thiệt hại cho tài sản, con người và tình hình hoạt động chung của Công ty. Đặc biệt là đối với các dự án mà Công ty tham gia đầu tư.

## **II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM**

### **1. Tình hình thực hiện hoạt động SXKD:**

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2012	Thực hiện năm 2013	Kế hoạch 2013	Thực hiện năm 2013 so với thực hiện năm 2012	Thực hiện năm 2013 so với kế hoạch năm 2013
1	Tổng doanh thu và thu nhập khác	152.524	99.700	108.894	(52.824)	(9.194)
2	Tổng chi phí	108.261	101.870	95.327	(6.391)	6.543
3	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	44.263	(2.170)	13.567	(46.433)	(15.737)
4	Lợi nhuận từ công ty liên kết	63.060	2.082	-	(60.978)	2.082
5	Tổng lợi nhuận trước thuế	107.323	(88)	13.567	(107.411)	(13.655)
6	Thuế TNDN	737	-	1.808	(737)	(1.808)
7	Lợi nhuận sau thuế	106.586	(88)	11.759	(106.674)	(11.847)
8	19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	1.046	(780)	1.583	(1.826)	(2.363)
9	20. Lợi nhuận sau thuế của ô đồng của công ty mẹ	105.540	692	10.176	(104.848)	(9.484)

### **2. Tổ chức và nhân sự**

#### **Danh sách Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc, Ban Kiểm soát và Kế toán trưởng**

STT	Họ Tên	Năm sinh	Số CMND/ Passport	Chức danh
<b>I</b>	<b>Hội đồng quản trị</b>			
1	Ông Lê Vũ Hoàng	1946	020096649	Chủ tịch HĐQT
2	Bà Giao Thị Yên	1955	020058350	Phó Chủ tịch HĐQT
3	Ông Lê Quốc Bình	1972	023833426	Thành viên HĐQT
4	Ông Nguyễn Hồng Sơn	1973	1073000215	Thành viên HĐQT
5	Ông Luis Juan B. Oreta	1956	EB6664924	Thành viên HĐQT
6	Ông Virgilio Cervantes Rivera, JR.	1961	EB1997387	Thành viên HĐQT
7	Ông Trương Khắc Hoành	1972	024396582	Thành viên HĐQT
<b>II</b>	<b>Ban Tổng Giám đốc</b>			
1	Ông Trương Khắc Hoành	1972	024396582	Tổng Giám đốc
2	Bà Giao Thị Yên	1955	020058350	Phó Tổng Giám đốc
3	Ông Hoàng Diệp Bảo Vinh	1978	025133379	Phó Tổng Giám đốc
<b>III</b>	<b>Ban Kiểm soát</b>			
1	Bà Vũ Thị Thủy	1973	024504320	Trưởng Ban kiểm soát
2	Bà Nguyễn Ái Liễu	1974	024586733	TV Ban kiểm soát
3	Bà Nguyễn Thị Tuyết Nhung	1978	025498599	TV Ban kiểm soát
<b>IV</b>	<b>Kế toán trưởng</b>			
1	Ông Bùi Quốc Dũng	1975	272307660	Kế toán trưởng

## 🚩 Cổ đông nội bộ và tỷ lệ nắm giữ

STT	TÊN	CHỨC DANH	SỞ HỮU CÁ NHÂN	ĐẠI DIỆN SỞ HỮU	TỶ LỆ
<b>I</b>	<b>Hội đồng quản trị</b>				
1	Ông Lê Vũ Hoàng	Chủ tịch HĐQT	-	-	-
2	Bà Giao Thị Yến	Phó Chủ tịch HĐQT	20.000	-	0,03
3	Ông Lê Quốc Bình	Thành viên HĐQT	1.010.000	25.768.990	45,88
4	Ông Trương Khắc Hoàn	Thành viên HĐQT	23.000	-	0,04
5	Ông Virgilio Cenvantes Rivera Jr	Thành viên HĐQT	-	9.000.000	15,42
6	Ông Luis Juan B.Oreta	Thành viên HĐQT	-	9.370.000	16,05
7	Ông Nguyễn Hồng Sơn	Thành viên HĐQT	-	-	-
<b>II</b>	<b>Ban Tổng giám đốc</b>		-		
1	Ông Trương Khắc Hoàn	Tổng Giám đốc	nt	nt	nt
2	Bà Giao Thị Yến	Phó Tổng Giám đốc	nt	nt	nt
3	Ông Hoàng Diệp Bảo Vinh	Phó Tổng Giám đốc	-	-	-
<b>III</b>	<b>Ban Kiểm soát</b>				
1	Vũ Thị Thủy	Trưởng Ban kiểm soát	10.000	-	0,02
2	Nguyễn Ái Liễu	Thành viên Ban kiểm soát	5.000	-	0,01
3	Nguyễn Thị Tuyết Nhung	Thành viên Ban kiểm soát	10.000	-	0,02
<b>IV</b>	<b>Kế toán trưởng</b>				
1	Ông Bùi Quốc Dũng	Kế toán trưởng	130.000	-	0,22

## 🚩 Lý lịch thành viên Hội đồng quản trị

### Ông Lê Vũ Hoàng:

- Giới tính : Nam
- Ngày tháng năm sinh : 1946
- Số CMND (Hộ chiếu): 020096649, ngày cấp 02/07/2003, nơi cấp: CA TP.HCM
- Nơi sinh: Bến Tre
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Bến Tre
- Địa chỉ thường trú: 239 Trần Hưng Đạo, Q5, Tp. Hồ Chí Minh
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế
- Quá trình công tác:
  - + Từ 1962 – 1963: Công tác tại Ban Tổ chức Trung ương Cục Miền Nam sau đó đi học nghiệp vụ tại Trường Thông tin thuộc Ban Thông tin R.

- + Từ 1963 – 1968: Công tác tại Thông tấn xã giải phóng – Trưởng đài điện báo.
  - + Từ 1968 – 1970: Công tác tại Đại sứ quán CHMN Campuchia – Trưởng Đại diện báo.
  - + Từ 1970 – 1974: Công tác trong Đoàn chuyên gia giúp Đảng CS Campuchia (nay là Đảng Nhân dân CM CPC).
  - + Từ 1975 – 1979: Đi học Trường Bổ túc Công Nông Miền Nam.
  - + Từ 1979 – 1997: Công tác tại UBND Quận 5, Trưởng phòng sau đó là Phó Chủ tịch.
  - + Từ 1997 – 2001: Công tác tại Quỹ Đầu tư phát triển Đô thị Thành phố Hồ Chí Minh – Phó Tổng Giám đốc QĐT
  - + Từ 12/2001 – 2012: Ủy viên Hội đồng Quản trị, Tổng giám đốc Cty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh.
  - + Từ 2012 đến nay: Chủ tịch Hội đồng Quản trị Cty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh.
  - + Từ 08/2013 đến nay: Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Hạ tầng Nước Sài Gòn
  - Chức vụ công tác hiện nay ở Công ty : Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Hạ tầng Nước Sài Gòn
  - Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác:
    - + Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần 565
    - + Thành viên Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Petroland
    - + Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần BOO Nước Đồng Tâm
    - + Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần BOO Nước Thủ Đức.
  - Số cổ phần nắm giữ: 0 cổ phần
  - Số cổ phần nắm giữ của người có liên quan: 25.768.990 cổ phần
- Trong đó :
- Công ty CP Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Tp.HCM: 25.768.990 cổ phần

### **Ông Lê Quốc Bình: Thành viên HĐQT**

- Giới tính : Nam
- Ngày tháng năm sinh : 25/02/1972
- Số CMND (Hộ chiếu): 023833426 ngày cấp 23/08/2006 nơi cấp: CA TP.HCM
- Nơi sinh: Đà Nẵng
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Quảng Bình
- Địa chỉ thường trú: 90/28/9 Vũ Huy Tấn, phường 3, Quận Bình Thạnh, TP.HCM
- Trình độ văn hóa: 12/12

- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ kinh tế, chuyên ngành Kế toán - Kiểm toán
- Quá trình công tác:
  - + Từ năm 1993 đến năm 1997: Cán bộ Phòng Kế toán Tổng Công ty Du Lịch TP.HCM.
  - + Từ năm 1997 đến năm 2001: Chuyên viên Quỹ Đầu tư Phát triển Đô thị TP.HCM.
  - + Từ năm 2001 đến 04/2012: Giám Đốc tài chính, kiêm Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật TP.HCM.
  - + Từ tháng 05/2010 đến 04/2012: Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Bất động sản Sài Gòn
  - + Từ tháng 05/2012 đến nay:
    - ✓ Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật TP.HCM
    - ✓ Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Hạ tầng nước Sài Gòn
    - ✓ Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Hạ tầng nước Sài Gòn
- Chức vụ công tác hiện nay ở Công ty : Thành viên Hội đồng Quản trị
- Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác:
  - + Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật TP.HCM
  - + Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Xây dựng Ninh Thuận
  - + Phó Chủ tịch HĐQT Cổ phần cơ khí điện Lữ Gia;
  - + Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần cấp nước Kênh Đông.
- Số cổ phần nắm giữ: 26.778.990 cổ phần  
 Trong đó:
  - Sở hữu cá nhân : 1.010.000 cổ phần
  - Đại diện sở hữu : 25.768.990 cổ phần.
- Số cổ phần nắm giữ của người có liên quan: 25.818.990 cổ phần  
 Trong đó :
  - Vợ Phạm Thị Thúy Hằng: 50.000 cổ phần
  - Công ty CP Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Tp.HCM: 25.768.990 cổ phần

**Bà Giao Thị Yến: Phó chủ tịch HĐQT**

- Giới tính: Nữ
- Số CMND (Hộ chiếu): 020058350 ngày cấp 14/04/2003 nơi cấp: CA TP.HCM
- Ngày tháng năm sinh : 13/03/1955
- Nơi sinh: Quảng Ngãi
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh

- Quê quán: Quảng Ngãi
- Địa chỉ thường trú: 236/10 Điện Biên Phủ, phường 17, quận Bình Thạnh, TP.HCM
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Tiến sĩ ngành Quản trị Kinh doanh
- Quá trình công tác:
  - + Từ năm 1982 đến năm 1998: Phó giám đốc Công ty Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn, kiêm Phó Chủ tịch HĐQT Ngân hàng TMCP Phương Đông
  - + Từ năm 1999 đến năm 2000 : Phó trưởng ban Tài chính Quản trị Thành ủy TP.HCM
  - + Từ năm 2000 đến năm 2007 Tổng giám đốc HIFU, kiêm:
    - ✓ Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Đầu tư hạ tầng Kỹ thuật TP.HCM
    - ✓ Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần BOO nước Thủ Đức
    - ✓ Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần chứng khoán TP.HCM
    - ✓ Phó chủ tịch HĐQT Ngân hàng TMCP Phát triển nhà HCM
    - ✓ Giám đốc Quỹ Phát triển Nhà HCM
  - + Từ năm 2008 đến năm 2009:
    - ✓ Nghi hưu theo chế độ nhà nước
    - ✓ Chuyên gia tư vấn độc lập: Công ty Cổ phần Nhà Việt Nam; Vietbook group
  - + Từ năm 2009 đến nay: Tư vấn cao cấp về tài chính cơ sở hạ tầng dự án các Quỹ Đầu tư Phát triển Địa phương của WB ở Việt Nam
  - + Từ tháng 07/2010 đến nay: Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Bất động sản Sài Gòn.
- Chức vụ công tác hiện nay ở Công ty : Phó Chủ tịch HĐQT Kiêm Phó Tổng Giám đốc.
- Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Thành viên HĐQT độc lập Công ty Cổ phần thực phẩm Cholimexfood.
- Số cổ phần nắm giữ: 20.000 cổ phần  
Trong đó:
  - Sở hữu cá nhân : 20.000 cổ phần
  - Đại diện sở hữu: 0 cổ phần.
- Số cổ phần nắm giữ của người có liên quan: 0 cổ phần.

**Ông Luis Juan B. Oreta: Thành viên HĐQT**

- Giới tính : Nam
- Số CMND (Hộ chiếu): EB6664924 cấp ngày 30/10/2012 tại Bộ Ngoại giao Manila, Philippines
- Ngày Tháng Năm sinh : 20/09/1956
- Nơi sinh: Manila, Philipines
- Quốc tịch: Philipines



- Dân tộc: Philipines
- Quê quán: Manila, Philipines
- Địa chỉ thường trú: Số 2302 tòa nhà Regency, ngã 3 đường Salcedo Tordesillas và Sanchez, Salcedo, thành phố Makati.
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Quản trị kinh doanh (MBA), chuyên ngành Phân tích đầu tư.
- Quá trình công tác:
  - + Từ 11/1977 đến 05/1978: Đại diện bán hàng, Orient Air Service
  - + Từ 06/1978 đến 05/1980: Phân tích tài chính, Insular Bank of Asia nad America, Makati, Philippines
  - + Từ 09/1982 đến 06/1983: Quản lý tư vấn tài chính tại Boone, Young & associates, New York, NY
  - + Từ 10/1983 đến 03/1997: Phó chủ tịch Ngân hàng Philippines, Makati Philippines
  - + Từ 1997 đến nay: Giám đốc điều hành Tập đoàn Ayala, Makati, Philippines
  - + Từ 01/2009 đến nay: Giám đốc tài chính và ngân khố Manila Water
- Chức vụ công tác hiện nay ở Công ty :
  - + Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Hạ tầng Nước Sài Gòn
- Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác :
  - + Giám đốc điều hành Tập đoàn Ayala, Makati, Philippines
  - + Giám đốc tài chính và ngân khố Manila Water
- Số cổ phần nắm giữ: 9.370.000 cổ phần  
 Trong đó:
  - Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần
  - Đại diện sở hữu : 9.370.000 cổ phần.
- Số cổ phần nắm giữ của người có liên quan: 9.370.000 cổ phần  
 Trong đó :
  - Công ty MANILA WATER SOUTH ASIA HOLDINGS PTE.LTD: 9.370.000 cổ phần

**Ông Virgilio Cervantes Rivera, JR.: Thành viên HĐQT**

- Giới tính : Nam
- Số CMND (Hộ chiếu): EB1997387 cấp ngày 01/03/2011 tại Bộ Ngoại giao Manila, Philippines
- Ngày Tháng Năm sinh : 08/07/1961
- Nơi sinh: Manila, Philipines
- Quốc tịch: Philipines

- Dân tộc: Philipines
- Quê quán: Manila, Philipines
- Địa chỉ thường trú: Số 38 đường Rambutan Khu dân cư, Ayala Westgrove Heights tỉnh Cavite, Philipin 4118
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn:
  - + Chương trình Quản trị cao cấp, Harvard Business School
  - + Thạc sĩ Kinh tế, De La Salle University, Manila, Philipines
- Quá trình công tác:
  - + Từ 08/2013 đến nay: Thành viên HĐQT Công ty CP Hạ tầng Nước Sài Gòn
  - + Từ 2012 đến nay: Thành viên HĐQT Công ty CP BOO Nước Thủ Đức
  - + Từ 2011 đến nay: Chủ tịch Công ty Clark Water
  - + Từ 2010 đến nay: Chủ tịch Công ty Laguna Water
  - + Từ 2010 đến nay: Chủ tịch Công ty Boracay Island Water
  - + Từ 03/1997 đến nay: Giám Đốc điều hành Ayala Corporation, Makita, Philipines
  - + Từ 1997 đến nay: Giám Đốc Bộ phận phát triển và Chiến lược Manila Water
- Chức vụ công tác hiện nay ở Công ty :
  - + Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Hạ tầng Nước Sài Gòn
- Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác :
  - + Thành viên HĐQT Công ty CP BOO Nước Thủ Đức
  - + Chủ tịch Công ty Clark Water
  - + Chủ tịch Công ty Laguna Water
  - + Chủ tịch Công ty Boracay Island Water
  - + Giám Đốc điều hành Ayala Corporation, Makita, Philipines
  - + Giám Đốc Bộ phận phát triển và Chiến lược Manila Water
- Số cổ phần nắm giữ: 9.000.000 cổ phần  
 Trong đó:
  - Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần
  - Đại diện sở hữu : 9.000.000 cổ phần.
- Số cổ phần nắm giữ của người có liên quan: 9.000.000 cổ phần  
 Trong đó :
  - Công ty MANILA WATER SOUTH ASIA HOLDINGS PTE.LTD:  
9.000.000 cổ phần

**Ông Nguyễn Hồng Sơn: Thành viên HĐQT**

- Giới tính : Nam
- Số CMND (Hộ chiếu): 001073000215 ngày cấp 31/01/2013 nơi cấp: CA Hà Nội

- Năm sinh : 1973
- Nơi sinh: Hà Nội
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Hà Nội
- Địa chỉ thường trú: Số 24, 19/15 đường Kim Đồng, P.Giáp Bát, Q.Hoàng Mai, TP.Hà Nội
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Quản trị kinh doanh (MBA)
- Quá trình công tác:
  - + Từ năm 2000 đến nay: Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Thực phẩm Việt Nam
  - + Từ năm 2010 đến nay: Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Đầu tư Việt Nam - Oman
  - + Từ 11/2012 đến nay: Ủy viên HĐQT Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn – Sông Hinh
  - + Từ 07/2013 đến nay: Ủy viên HĐQT Công ty Cổ phần Bệnh viện Đa khoa Quốc tế Vinmec
  - + Từ 11/2013 đến nay:
- Chức vụ công tác hiện nay ở Công ty :
  - + Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Hạ tầng Nước Sài Gòn
- Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác :
  - + Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Thực phẩm Việt Nam
  - + Ủy viên HĐQT Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn – Sông Hinh
  - + Ủy viên HĐQT Công ty Cổ phần Bệnh viện Đa khoa Quốc tế Vinmec
  - + Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Đầu tư Việt Nam – Oman
- Số cổ phần nắm giữ: 7.034.700 cổ phần
 

Trong đó:

  - Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần
  - Đại diện sở hữu : 7.034.700 cổ phần.
- Số cổ phần nắm giữ của người có liên quan: 7.034.700 cổ phần
 

Trong đó :

  - Công ty Công ty VIAC (NO.1) LIMITED PARTNERSHIP: 70.34.700 cổ phần

**Ông Trương Khắc Hoàng: Thành viên HĐQT**

- Giới tính: Nam
- Số CMND (Hộ chiếu): 024396582 ngày cấp 31/03/2009 nơi cấp: CA TP.HCM
- Ngày tháng năm sinh: 16/01/1972

- Nơi sinh: Quảng Trị
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Quảng Trị
- Địa chỉ thường trú: 97 đường số 2, CX Bình Thới, F.8, Quận 11, TP.HCM
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Quản trị (MBA)
- Quá trình công tác:
  - + Từ năm 1994 đến năm 1996 : Kiểm soát tài chính, Công ty Control Techniques Việt Nam
  - + Từ năm 1997 đến năm 2004: Phó Tổng giám đốc, Công ty CP Nước & Môi trường (WACO)
  - + Từ năm 2005 đến năm 2010: Phó Tổng giám đốc, Công ty CP BOO Nước Thủ Đức
  - + Từ năm 2010 đến 04/2012: Tổng giám đốc, Công ty CP BOO Nước Thủ Đức
  - + Từ 07/2011 đến 04/2012: Phó Tổng giám đốc Công ty CP Đầu tư Hạ tầng Bất động sản Sài Gòn.
  - + Từ 05/2012 đến nay: Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty CP Đầu tư Hạ tầng Bất động sản Sài Gòn
- Chức vụ công tác hiện nay ở Công ty: Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc
- Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác:
  - + Phó Tổng giám đốc Công ty CP BOO Nước Thủ Đức
  - + Phó Tổng giám đốc Công ty CP Đầu tư Hạ tầng kỹ thuật TP.HCM
- Số cổ phần nắm giữ : 23.000 cổ phần
  - Sở hữu cá nhân: 23.000 cổ phần
  - Đại diện sở hữu: 0 cổ phần.
- Số cổ phần nắm giữ của người có liên quan: 25.768.990 cổ phần
 

Trong đó :

  - Công ty CP Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Tp.HCM: 25.768.990 cổ phần

#### Lý lịch thành viên Ban Kiểm soát

##### **Bà Vũ Thị Thủy: Trưởng Ban Kiểm soát**

- Giới tính: Nữ
- Số CMND (Hộ chiếu): 024504320 - ngày cấp 27/08/2010 - nơi cấp: CA TP.HCM
- Ngày tháng năm sinh : 22/08/1973
- Nơi sinh : Nam Định
- Quốc tịch : Việt Nam

- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Nam Định
- Địa chỉ thường trú: 122/41/3 Bùi Đình Túy, Phường 12, Quận Bình Thạnh, TP.HCM
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân kinh tế
- Quá trình công tác:
  - + Từ năm 1995 đến năm 1999: Nhân viên Phòng Tài chính Kế toán – Công ty XDCTGT 875
  - + Từ năm 1999 đến năm 2001: Chuyên viên Phòng Tài chính Kế toán – Công ty QL&SCĐB 711
  - + Từ năm 2001 đến năm 2002: Phó phòng Kế toán Xí nghiệp thu phí XLHN – Công ty TNXP TP.HCM
  - + Từ năm 2002 đến nay: Chuyên viên kế toán tổng hợp Phòng Tài chính Kế toán – Công ty CII. kiêm Kế toán trưởng Công ty CP Đầu tư & XD Xa lộ Hà Nội.
- Chức vụ công tác hiện nay ở Công ty : Trưởng Ban kiểm soát.
- Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Kế toán trưởng Công ty CP Đầu tư & XD Xa lộ Hà Nội
- Số cổ phần nắm giữ : 10.000 cổ phần  
 Trong đó:
  - Sở hữu cá nhân : 10.000 cổ phần
  - Đại diện sở hữu : 0 cổ phần
- Số cổ phần nắm giữ của người có liên quan: 25.768.990 cổ phần  
 Trong đó :
  - Công ty CP Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Tp.HCM: 25.768.990 cổ phần

**Bà Nguyễn Ái Liễu : Thành viên Ban Kiểm soát**

- Giới tính : Nữ
- Số CMND (Hộ chiếu): 024586733 - ngày cấp 02/08/06 nơi cấp: CA TP.HCM
- Ngày tháng năm sinh : 24/07/1974
- Nơi sinh: TP Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Xã Phước Quang – Huyện Tuy Phước – Tỉnh Bình Định.
- Địa chỉ thường trú: 330/7 Phan Văn Trị, Phường 11, Quận Bình Thạnh, Tp.HCM.
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân Kế toán Doanh nghiệp.
- Quá trình công tác:

- + Từ 1998 đến 2002: Kế toán Công ty Bảo Việt tỉnh Bình Định.
  - + Từ 2002 đến 2004: Kế toán trạm Thu phí giao thông đường Hùng Vương.
  - + Từ 2004 đến nay : Kế toán Công ty CP Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Tp.HCM.
  - Chức vụ công tác hiện nay ở Công ty : Thành viên Ban kiểm soát.
  - Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác : Kế toán Công ty CP Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Tp.HCM.
  - Số cổ phần nắm giữ : 5.000 cổ phần.
  - Số cổ phần nắm giữ của người có liên quan: 25.768.990 cổ phần
- Trong đó :
- Công ty CP Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Tp.HCM: 25.768.990 cổ phần

**Bà Nguyễn Thị Tuyết Nhung: Thành viên Ban Kiểm soát**

- Giới tính: Nữ
  - Số CMND (Hộ chiếu): 025498599 - ngày cấp 10/05/2011 - nơi cấp: CA Tp.HCM
  - Ngày tháng năm sinh : 13/11/1978
  - Nơi sinh : Phú Yên
  - Quốc tịch : Việt Nam
  - Dân tộc : Kinh
  - Quê quán : An Ninh \_ Tuy An \_ Phú Yên
  - Địa chỉ thường trú: 133/24H Ngô Đức Kế, P.12, Q.Bình Thạnh, Tp.HCM
  - Trình độ văn hóa: 12/12
  - Trình độ chuyên môn: Cử nhân QTKD
  - Quá trình công tác:
    - + Từ năm 2000 đến tháng 06/2006: Kế toán viên Công ty CP Xây dựng Phú Yên
    - + Từ tháng 9/2006 đến nay: Quản trị viên Kế toán Công ty CP Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Tp.HCM.
  - Chức vụ công tác hiện nay ở Công ty : Thành viên Ban kiểm soát.
  - Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác : Quản trị viên Kế toán Công ty CP Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Tp.HCM.
  - Số cổ phần nắm giữ : 10.000 cổ phần
  - Số cổ phần nắm giữ của người có liên quan: 25.768.990 cổ phần
- Trong đó :
- Công ty CP Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật TP.HCM: 25.768.990 cổ phần

**🚩 Lý lịch thành viên Ban Tổng Giám đốc**

**Ông Trương Khắc Hoàn : Tổng Giám đốc (Xem phần trên)**

**Bà Giao Thị Yến : Phó Tổng Giám đốc (Xem phần trên)**

## **Ông Hoàng Diệp Bảo Vinh: Phó Tổng Giám đốc**

- Giới tính: Nam
- Số CMND (Hộ chiếu): 025133379 ngày cấp 17/11/2009 nơi cấp: CA TP.HCM
- Ngày tháng năm sinh: 22/08/1978
- Nơi sinh: Ninh Thuận
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Hà Nội
- Địa chỉ thường trú: 243/1/10 Tô Hiến Thành, P.13, Quận 10, TP.HCM
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Quản trị (MBA)
- Quá trình công tác:
  - + Từ năm 2001 đến năm 2010 : Phụ trách bộ phận Tiếp thị và Bán hàng, Công ty Mekong Corporation
  - + Từ tháng 01/2010 đến tháng 05/2010: Giám đốc Bộ phận bán thiết bị, Công ty Cổ phần Phương Nam.
  - + Từ tháng 06/2010 đến nay: Giám đốc Phụ trách phát triển kinh doanh của Manila Water tại Việt Nam.
  - + Từ tháng 11/2012 đến nay: Phó tổng giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật VinaPhil
  - + Từ tháng 10/2013 đến nay: Phó tổng giám đốc Công ty Cổ phần Hạ tầng Nước Sài Gòn
- Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác :
  - + Phó tổng giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật VinaPhil
  - + Giám đốc Phụ trách phát triển kinh doanh của Manila Water tại Việt Nam
- Số cổ phần nắm giữ : 0 cổ phần
- Số cổ phần nắm giữ của người có liên quan: 0 cổ phần

## **Lý lịch Kế toán trưởng**

### **Ông Bùi Quốc Dũng: Kế toán trưởng**

- Giới tính : Nam
- Số CMND (Hộ chiếu): 272307660 ngày cấp 05/05/2009 nơi cấp: CA Đồng Nai
- Ngày tháng năm sinh : 20/01/1975
- Nơi sinh : Bình Định
- Quốc tịch : Việt Nam.
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Bình Định

- Địa chỉ thường trú: 422C Chung cư Hiệp Bình Chánh – Thủ Đức – TP.HCM
- Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: 08.62918483
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế
- Quá trình công tác:
  - + Từ năm 1997 đến 2001: Nhân viên kế toán tại Công ty Xuất Nhập Khẩu – Thương Mại – Du Lịch Tỉnh Bình Phước
  - + Từ năm 2001 đến năm 2004: Nhân viên kế toán tại Công ty Xây dựng Công trình 507
  - + Từ năm 2005 đến năm 2008: Trưởng phòng kế toán Chi nhánh Công ty Xây dựng Công trình Giao thông 586 tại Long An, Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Xây dựng Việt Thành.
  - + Từ năm 2009 đến năm 2010: Phó phòng kế toán Công ty Xây dựng Công trình Giao thông 586, Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Xây dựng Việt Thành;
  - + Từ năm 2010 đến nay: Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Bất động sản Sài Gòn.
- Chức vụ công tác hiện nay ở Công ty : Kế toán trưởng.
- Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác: không có
- Số cổ phần nắm giữ : 130.000 cổ phần
- Người có liên quan nắm giữ cổ phần : 0 cổ phần

#### Số lượng lao động trong công ty

Chỉ tiêu	Số CB.CNV	Số CB.CNV	Số CB.CNV
	31/12/11	31/12/12	31/12/13
<b>Ký hợp đồng trực tiếp</b>	<b>8</b>	<b>13</b>	<b>29</b>
HĐLĐ không thời hạn	4	11	24
HĐLĐ từ 1 đến 3 năm	4	2	1
HĐLĐ dưới 1 năm	-		4
<b><i>Trong đó:</i></b>			
Đại học và trên Đại học	6	13	26

#### Chính sách đối với người lao động

##### ❖ Thời gian làm việc

- Thời gian làm việc của khối văn phòng:
- Buổi sáng: từ 8giờ đến 12giờ00.
- Buổi chiều: từ 13giờ00 đến 17giờ00.
- Ngày nghỉ hàng tuần: Thứ bảy và chủ nhật.



- Nghỉ phép, nghỉ lễ, tết: được nghỉ theo công bố của Nhà Nước
- Người lao động được nghỉ phép 12 ngày/năm. Cứ làm việc được năm năm sẽ được thêm 1 ngày phép.
- Người lao động được nghỉ 09 ngày lễ, tết theo quy định của Luật Lao động.

❖ **Về chính sách tuyển dụng và đào tạo:**

- Tuyển dụng:
  - ✓ Công ty chú trọng tuyển dụng những nhân viên phù hợp với yêu cầu của công việc. Công ty khuyến khích việc tuyển dụng nội bộ nhằm tạo điều kiện cho nhân viên có cơ hội phát triển và thăng tiến.
  - ✓ Bên cạnh đó, Công ty vẫn thực hiện công tác tuyển dụng nhân lực từ bên ngoài. Nhân viên được Công ty tuyển dụng trực tiếp hoặc thông qua các Công ty Tư vấn, Môi giới nhân lực, thi tuyển hoặc sự giới thiệu của nhân viên Công ty.
- Đào tạo:
  - ✓ Công ty chú trọng việc đẩy mạnh các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng, kỹ năng về nghiệp vụ chuyên môn, khuyến khích người lao động học tập nâng cao trình độ công tác và đạo đức nghề nghiệp.

❖ **Về chính sách lương, thưởng và phúc lợi:**

- Lương và thưởng sẽ được căn cứ vào kỹ năng và năng lực của từng nhân viên.
- Thưởng được xem xét cho từng thời gian trong năm.
- Nghỉ mát thường niên.
- Kiểm tra sức khỏe định kỳ.
- Ngoài những quy định theo luật lao động công ty còn có những chính sách hỗ trợ khác để chăm lo đến đời sống của người lao trong Công ty.

❖ **Thu nhập bình quân người lao động qua các năm**

Chỉ tiêu	Năm 2011	Năm 2012	Năm 2013
ĐỒNG\NGƯỜI\THÁNG	7.500.000	13.000.000	13.600.000

**3. Tình hình đầu tư, thực hiện các dự án**

Nhằm cơ cấu lại danh mục đầu tư hiện hữu để tập trung nguồn vốn đầu tư vào các dự án mới thuộc lĩnh vực chuyên ngành Hạ tầng nước theo định hướng chiến lược của Công ty, năm 2013 Công ty đã thực hiện thoái vốn đầu tư vào các công ty liên kết, các dự án Hạ tầng bất động sản và đầu tư tài chính như sau:

- Chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp đầu tư vào dự án “Dự án Diamond Riverside”,
- Chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp đầu tư vào dự án “49% quyền thu phí tuyến đường Điện Biên Phủ và Kinh Dương Vương”
- Chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển xây dựng Ninh Thuận,
- Chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Cầu đường Bình Triệu,
- Chuyển nhượng 1.180.000 cổ phiếu Công ty Cổ phần Xây dựng Investco,
- Chuyển nhượng 4.456.080 cổ phiếu CII.

Bên cạnh việc thoái vốn thành công các Dự án đầu tư trong lĩnh vực Hạ tầng Bất động sản, lĩnh vực đầu tư tài chính để thực hiện hóa lợi nhuận và cơ cấu lại danh mục đầu tư, trong năm 2013 Công ty đã hoàn tất các thủ tục cần thiết để góp vốn cổ phần vào các công ty dự án thuộc ngành Hạ tầng nước như sau:

Tên công ty dự án	Vốn điều lệ	Tỷ lệ sở hữu của SGW	Giá trị đầu tư của SGW	Ghi Chú
Công ty Cổ phần Cấp nước Sài Gòn Đan Kìa	100.000	90,00%	105.000	
Công ty Cổ phần BOO Nước Thủ Đức	558.000	7,33%	145.353	
Công ty Cổ phần Cấp nước Long AN	135.000	23,28%	31.749	
Công ty CP Cấp nước Sài Gòn Pleiku	90.000	40%	1.000	Tổng vốn điều lệ SGW phải góp là 36 tỷ đồng, đến ngày 31/12/2013 SGW đã góp 1 tỷ đồng theo tiến độ góp vốn của dự án
<b>Cộng</b>			<b>282.102</b>	

Ngoài ra Công ty đang nghiên cứu phát triển 04 dự án khác trong lĩnh vực Hạ tầng nước với tổng mức đầu tư ước tính hơn 1.200 tỷ đồng.

#### 4. Tình hình tài chính

##### a. Tình hình tài chính

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2012	Năm 2013	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	866.652	901.675	4,04%
Doanh thu thuần	50.906	36.900	-27,51%
Lợi nhuận từ HĐKD	43.791	(2.151)	-104,91%
Lợi nhuận khác	472	(18)	-103,76%
Lãi lỗ trong công ty liên kết	63.060	2.082	-96,70%
Lợi nhuận trước thuế	107.323	(87)	-100,08%
Lợi nhuận sau thuế	106.586	(87)	-100,08%

**b. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu**

<b>Chỉ tiêu</b>	<b>Năm 2012</b>	<b>Năm 2013</b>
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán		
- Hệ số thanh toán ngắn hạn	0,66	9,69
- Hệ số thanh toán nhanh	0,56	9,02
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn		
- Nợ/Tổng tài sản	40,29%	14,89%
- Nợ/Vốn chủ sở hữu	67,63%	17,69%
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động		
- Vòng vay khoản phải thu ngắn hạn	0,64	0,19
- Vòng quay hàng tồn kho	1,89	0,80
- Vòng quay tổng tài sản	0,06	0,04
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời		
- Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	209,38%	-0,24%
- Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	22,14%	-0,01%
- Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	12,51%	-0,01%
- Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	86,02%	-5,83%

**5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu**

📌 **Tính đến ngày 04/04/2014, cơ cấu cổ đông của Saigon Water như sau**

<b>STT</b>	<b>Cổ đông</b>	<b>Số lượng cổ đông</b>	<b>Số cổ phần sở hữu (Cổ phần)</b>	<b>Tỷ lệ (%)</b>
<b>1</b>	<b>Trong nước</b>	<b>180</b>	<b>32.914.100</b>	<b>56,39</b>
	- Tổ chức	5	28.665.810	49,11
	- Cá nhân	175	4.248.290	7,28
<b>2</b>	<b>Nước ngoài</b>	<b>4</b>	<b>25.455.900</b>	<b>43,61</b>
	- Tổ chức	3	25.453.700	43,60
	- Cá nhân	1	2.200	0,001
	<b>Tổng cộng</b>	<b>184</b>	<b>58.370.000</b>	<b>100</b>

📌 **Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần (có quyền biểu quyết) của Công ty tại thời điểm ngày 04/04/2014:**

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Số CMND/Hộ chiếu/ĐKKD	Ngày cấp	Địa chỉ	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật TP.HCM	0302483177	24/12/2001	50 Tôn Thất Đạm, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP.HCM	25.768.990	44,15
2	VIAC (NO.1) LIMITED PARTNERSHIP	CA5360	12/07/2011	24 Raffles Place #22-00 Clifford Centre, Singapore (048621)	7.034.700	12,05
3	Manila Water South Asia Holdings PTE. LTD	201009681K	05/05/2010	36 Robinson Road, # 17-01 City House, Singapore (068877)	18.370.000	31,47
<b>TỔNG CỘNG</b>					<b>51.173.690</b>	<b>87,67</b>

#### Cổ đông nội bộ và tỷ lệ nắm giữ

STT	TÊN	CHỨC DANH	SỞ HỮU CÁ NHÂN	ĐẠI DIỆN SỞ HỮU	TỶ LỆ
<b>I</b>	<b>Hội đồng quản trị</b>				
1	Ông Lê Vũ Hoàng	Chủ tịch HĐQT	-	-	-
2	Bà Giao Thị Yến	Phó Chủ tịch HĐQT	20.000	-	0,03
3	Ông Lê Quốc Bình	Thành viên HĐQT	1.010.000	25.768.990	45,88
4	Ông Trương Khắc Hoành	Thành viên HĐQT	23.000	-	0,04
5	Ông Virgilio Cenvantes Rivera Jr	Thành viên HĐQT	-	9.000.000	15,42
6	Ông Luis Juan B.Oreta	Thành viên HĐQT	-	9.370.000	16,05
7	Ông Nguyễn Hồng Sơn	Thành viên HĐQT	-	7.034.700	12,05
<b>II</b>	<b>Ban Tổng giám đốc</b>				
1	Ông Trương Khắc Hoành	Tổng Giám đốc	nt	nt	nt
2	Bà Giao Thị Yến	Phó Tổng Giám đốc	nt	nt	nt
3	Ông Hoàng Diệp Bảo Vinh	Phó Tổng Giám đốc	-	-	-
<b>III</b>	<b>Ban Kiểm soát</b>				
1	Vũ Thị Thủy	Trưởng Ban kiểm soát	10.000	-	0,02
2	Nguyễn Ái Liễu	Thành viên Ban kiểm soát	5.000	-	0,01
3	Nguyễn Thị Tuyết Nhung	Thành viên Ban kiểm soát	10.000	-	0,02
<b>IV</b>	<b>Kế toán trưởng</b>				
1	Ông Bùi Quốc Dũng	Kế toán trưởng	130.000	-	0,22

### III. BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

#### 1. Đánh giá kết quả hoạt động kinh doanh

##### Các chỉ tiêu cơ bản

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2012	Thực hiện năm 2013	Kế hoạch 2013	% Thực hiện năm 2013 so với thực hiện năm 2012	% Thực hiện năm 2013 so với kế hoạch năm 2013
1	Tổng doanh thu và thu nhập khác	Triệu đồng	152.524	99.700	108.894	65,37%	91,56%
2	Tổng lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	107.323	(88)	13.567	-0,08%	-0,65%
3	Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	106.586	(88)	11.759	-0,08%	-0,75%
4	Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	12,30%	-0,01%	-	-0,08%	-
5	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	26,65%	-0,02%	-	-0,06%	-

Với tình hình kinh tế và môi trường kinh doanh trong năm 2013 còn nhiều khó khăn, việc thoái vốn đầu tư vào các lĩnh vực ngoài ngành không mang lại lợi nhuận cao, đồng thời các dự án thuộc lĩnh vực chuyên ngành đang trong giai đoạn triển khai đầu tư nên công ty chưa thu được lợi nhuận ngay trong năm 2013. Do đó kết quả sản xuất kinh doanh trong năm 2013 của Công ty không đạt được như kế hoạch đã được Đại hội đồng thường niên 2012 đã thông qua

##### Những tiến bộ đã đạt được

- Công ty đã hoàn tất việc phát hành tăng vốn điều lệ cho đối tác ngành từ Philipines là Manila Water South Asia Holding Pte Ltd.
- Hình thành được một danh mục dự án đầu tư khá triển vọng
- Cơ cấu tổ chức đã và đang từng bước hoàn thiện theo hướng hiệu quả hơn.
- Công tác đầu tư các dự án được triển khai đúng tiến độ.

#### 2. Tình hình tài chính

Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

##### Tình hình tài sản

Tổng tài sản cuối năm 2013 đạt 901.675 triệu đồng, tăng 35.023 triệu đồng tương đương 4,04% so với năm 2012. Cụ thể như sau:

Đơn vị: triệu đồng

TÀI SẢN	Tại ngày 31/12/2013	Tại ngày 01/01/2013	Tăng, giảm năm 2013 so với năm
<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>530.595</b>	<b>231.332</b>	<b>299.262</b>
1. Tiền và các khoản tương đương tiền	193.523	28.129	165.394
2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	-	64.813	(64.813)
3. Các khoản phải thu	296.749	98.376	198.373
4. Hàng tồn kho	36.529	35.417	1.112
5. Tài sản ngắn hạn khác	3.793	4.597	(804)
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>371.081</b>	<b>635.320</b>	<b>(264.240)</b>
1. Các khoản phải thu dài hạn	373	508	(134)
2. Tài sản cố định	161.555	2.229	159.326
3. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	178.317	617.797	(439.480)
4. Tài sản dài hạn khác	1.470	14.787	(13.316)
5. Lợi thế thương mại	29.365	-	29.365
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>901.675</b>	<b>866.653</b>	<b>35.023</b>

### Tình hình nợ phải trả

Tổng nợ phải trả đến cuối năm 2013 giảm mạnh từ 349.149 triệu đồng xuống còn 134.261 triệu đồng do Công ty thanh toán hết các khoản nợ đến hạn trong năm 2013, cụ thể như sau:

Đơn vị: triệu đồng

CHỈ TIÊU	Tại ngày 31/12/2013	Tại ngày 01/01/2013	Tăng, giảm năm 2013 so với năm 2012
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>54.761</b>	<b>349.149</b>	<b>(294.387)</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	17.324	9.485	7.839
2. Phải trả người bán	750	105.547	(104.797)
3. Người mua trả tiền trước	110	110	-
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	745	883	(137)
5. Phải trả người lao động	167	524	(357)
6. Chi phí phải trả	141	-	141
7. Các khoản phải trả, phải nộp khác	34.817	232.600	(197.784)
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	708	-	708
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>79.500</b>	<b>-</b>	<b>79.500</b>
1. Vay và nợ dài hạn	79.500	-	79.500
<b>TỔNG NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>134.261</b>	<b>349.149</b>	<b>(214.887)</b>

### 3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

- Công ty đã tiến hành thay đổi cơ cấu tổ chức, sắp xếp lại bộ máy quản lý, nhân sự .. để phù hợp với chuyên ngành hoạt động của công ty.
- Ban hành quy chế quản lý nội bộ nhằm đáp ứng kịp thời nhiệm vụ quản lý và điều hành SXKD và phù hợp với quy định của pháp luật.
- Công ty đã tiến hành thay đổi nhận diện thương hiệu và tên công ty cho phù hợp với chiến lược mới là đầu tư phát triển vào lĩnh vực Hạ tầng nước.
- Xây dựng kế hoạch kinh doanh, dự toán chi phí, doanh thu, dòng tiền nhằm đảm bảo kiểm soát chặt chẽ dòng tiền, nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh.

#### 4. Kế hoạch hoạt động trong năm 2014

Trong năm 2014 công ty chủ yếu tập trung nguồn lực cho việc tìm kiếm và phát triển các dự án thuộc lĩnh vực chuyên ngành, mặt khác, các dự án mà công ty đã đầu tư trong năm 2013 vẫn còn đang trong giai đoạn triển khai nên chưa kỳ vọng thu được lợi nhuận cao trong năm 2014. Do đó dự kiến kế hoạch sản xuất kinh doanh trong năm 2014 của Công ty như sau:

Chỉ tiêu	Số tiền (tỷ đồng)
<b>1. Tổng doanh thu hợp nhất</b>	<b>118,79</b>
_ Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	94,12
_ Doanh thu hoạt động tài chính	24,67
<b>2. Tổng chi phí hợp nhất</b>	<b>97,38</b>
_ Giá vốn hàng bán	70,35
_ Chi phí tài chính	10,79
_ Chi phí quản lý doanh nghiệp	16,24
<b>3. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>21,41</b>
<b>4. Lợi nhuận từ công ty liên kết</b>	<b>2,61</b>
<b>5. Tổng lợi nhuận trước thuế</b>	<b>24,02</b>
6. Thuế TNDN	0,44
<b>7. Lợi nhuận sau thuế</b>	<b>23,58</b>

Kế hoạch sản xuất kinh doanh nêu trên được xây dựng dựa trên những dự đoán có căn cứ với các số liệu chi tiết mà Công ty cho là hợp lý về những hoạt động đầu tư, tình hình kinh tế, môi trường cạnh tranh cũng như những định hướng chiến lược Công ty đã vạch ra.

#### 5. Kế hoạch phát triển trong tương lai

##### 5.1 Định hướng hoạt động kinh doanh chính của Công ty:

Phát triển Công ty thành một tổ chức hoạt động kinh doanh chuyên về lĩnh vực Hạ tầng nước bao gồm ba mảng chính:

- Đầu tư phát triển các dự án về xử lý môi trường nước,
- Cung cấp dịch vụ kỹ thuật môi trường nước,
- Phát triển dịch vụ vận hành, bảo trì (O&M) trong lĩnh vực môi trường nước.

##### Đầu tư phát triển các dự án về xử lý môi trường nước:

Công ty sẽ tập trung nghiên cứu và phát triển các dự án tốt trong lĩnh vực môi trường bao gồm:

- Đầu tư xây dựng, vận hành các dự án trong lĩnh vực xử lý và cung cấp nước sạch, xử lý nước thải, rác thải.
- Đầu tư vào các doanh nghiệp hoặc các dự án hoạt động trong lĩnh vực xử lý và cung cấp nước sạch, xử lý nước thải.

#### **🚧 Dịch vụ kỹ thuật môi trường nước:**

Công ty sẽ tiếp tục đầu tư để phát triển và mở rộng thị trường, phát triển thêm các giải pháp công nghệ, và củng cố vững chắc vị thế của mình trên thị trường này. Hoạt động chính bao gồm:

- Cung cấp các giải pháp công nghệ, máy móc, thiết bị cho các nhà máy xử lý nước sạch, xử lý nước thải;
- Thiết kế, chế tạo máy móc thiết bị chuyên dụng cho ngành kỹ thuật môi trường;
- Tìm kiếm, nghiên cứu, phát triển các dự án đầu tư trong lĩnh vực môi trường cho Công ty.

#### **🚧 Phát triển dịch vụ vận hành, bảo dưỡng (O&M) trong lĩnh vực môi trường nước:**

Với chuyên môn sâu về ngành và quan hệ đối tác lớn trong lĩnh vực môi trường, Công ty sẽ có điều kiện để phát triển để cung cấp dịch vụ vận hành, bảo dưỡng cho các dự án nhà máy xử lý nước sạch, nước thải do khách hàng đầu tư hoặc do chính Công ty tham gia đầu tư. Đây là một dịch vụ đang được các định chế tài chính quan tâm, thúc đẩy và phát triển tại Việt Nam theo đúng xu hướng phát triển chung trên thế giới.

#### **5.2 Định hướng phát triển nguồn nhân lực:**

- Tăng cường hoạt động tìm kiếm nguồn nhân sự cho các vị trí quản lý cấp cao để đáp ứng cho nhu cầu phát triển của công ty trong những năm tới.
- Có kế hoạch mang tính chủ động đối với lực lượng lao động trực tiếp nhằm đáp ứng và duy trì hoạt động đầu tư tại mọi thời điểm theo yêu cầu.
- Từng bước xây dựng và hoàn thiện các chế độ tiền lương và đãi ngộ đối với người lao động, thực hiện tốt các chế độ bảo hiểm, các chính sách đảm bảo an toàn lao động nhằm thu hút người tài, người có tâm huyết đối với Công ty.

## **IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY**

### **1. Đánh giá về hoạt động của Công ty**

Năm 2013 mặc dù có được nhiều sự hỗ trợ của Chính phủ tuy nhiên tình hình chung của thị trường vẫn còn tồn tại những khó khăn. Chính sách tín dụng vẫn chưa thực sự nói lỏng, tình hình nợ xấu chưa được cải thiện đúng mức, nên dòng tiền vẫn đang bị tắt nghẽn, các gói kích cầu được ban hành nhưng vẫn chưa thực sự được sử dụng hiệu quả. Vì vậy, nền kinh tế vẫn chưa hấp thu được vốn. Tình trạng thiếu vốn vẫn đang còn kéo dài. Khả năng tiếp cận vốn của doanh nghiệp (“DN”) vẫn còn khó khăn, đặc biệt là đối với các DN vừa và nhỏ. Ngoài ra, trong năm 2013 tình hình kinh tế thế giới còn diễn biến thất thường, có tác động bất lợi đối với những nền kinh tế có độ mở lớn như nền kinh tế Việt Nam.

Những khó khăn chung của thị trường nêu trên đã tác động không nhỏ đến hoạt động của công ty nhất là công tác huy động vốn để phát triển hoạt động đầu tư. Mặc dù trong năm 2013 công ty đã không đạt được các chỉ tiêu về doanh thu, lợi nhuận theo như kế hoạch đã đề ra, tuy nhiên công ty đã xây dựng được nền tảng khá vững chắc cho chặng đường tiếp theo thông qua việc định hướng một cách rõ ràng cho mục tiêu chiến lược của công ty, phát hành tăng vốn thành công cho đối tác đầu tư ngành của Philippines là Manila Water South



Asia Holdings Pte. Ltd, hình thành được một danh mục dự án đầu tư khá triển vọng, đây là điều kiện để công ty có thể tạo ra những bứt phá mạnh mẽ trong thời gian tới và sớm trở thành doanh nghiệp hàng đầu trong ngành Hạ tầng nước tại Việt Nam.

## **2. Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban Giám Đốc**

Trong năm 2013 HĐQT đã thực hiện công tác giám sát đối với TGD công ty thông qua việc ban hành kịp thời các nghị quyết và quyết định liên quan đến hoạt động của công ty. Tổng giám đốc và các thành viên Ban điều hành đã thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ trong điều hành các hoạt động của công ty, chuẩn bị các nội dung báo cáo và trình HĐQT xem xét, phê duyệt, tổ chức thực hiện nghiêm túc các Nghị quyết, quyết định của HĐQT đã ban hành. Việc cung cấp thông tin, báo cáo cho các thành viên HĐQT được thực hiện thường xuyên và đầy đủ.

Trong điều kiện khó khăn của nền kinh tế nói chung và của Công ty nói riêng, đặc biệt năm 2013, Saigon Water bắt đầu triển khai các hoạt động đầu tư chuyên ngành của mình, những kết quả đạt được trong năm 2013 là nỗ lực rất đáng trân trọng của Ban điều hành Công ty. HĐQT hết sức ghi nhận sự nỗ lực của Ban Giám Đốc và tập thể cán bộ công nhân viên Công ty trong năm qua.

## **3. Kế hoạch, định hướng của HĐQT**

Năm 2014, HĐQT tiếp tục thực hiện các giải pháp nâng cao chất lượng quản trị Công ty như Ban hành các Quy chế quản lý đầu tư, Quy chế quản lý lao động tiền lương..., hướng tới việc minh bạch hóa thông tin, rút ngắn thời gian xử lý công việc, lựa chọn, ứng dụng hệ thống quản trị thông tin mới một cách tiết kiệm, hiệu quả, phù hợp với yêu cầu quản trị doanh nghiệp trong giai đoạn mới. Đây là một trong những biện pháp để thực hiện các định hướng mục tiêu trung hạn của Công ty, trong đó một mục tiêu quan trọng và xuyên suốt là nâng cao giá trị đầu tư của Quý cổ đông.

Căn cứ vào tình hình thực tế của Công ty, Trong năm 2014, Hội đồng Quản trị sẽ tập trung chỉ đạo các mặt hoạt động chủ yếu sau đây:

- Thực hiện những qui định mới của Nhà nước về công tác quản trị công ty như: Các qui định về tổ chức Đại hội đồng cổ đông, điều chỉnh điều lệ và qui chế quản trị công ty, thành lập các tiểu ban của Hội đồng Quản trị, tham gia các khóa đào tạo về quản trị công ty.
- Chỉ đạo triển khai đầu tư các dự án trọng điểm, định hướng việc tiếp xúc các dự án mới để chuẩn bị nguồn dự án cho tương lai.
- Chỉ đạo công tác huy động vốn đảm bảo việc cung ứng vốn kịp thời cho hoạt động đầu tư đồng thời giám sát chặt chẽ khả năng thanh toán của công ty.
- Chỉ đạo nâng cao công tác quản lý, hoàn thiện bộ máy quản lý để nâng cao hiệu quả hoạt động.

## **V. QUẢN TRỊ CÔNG TY**

### **1. Hội đồng quản trị**

## Thành viên và cơ cấu của HĐQT

Hội Đồng Quản Trị (HĐQT) của công ty gồm 7 thành viên. Cụ thể

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số CP nắm giữ/Tỷ lệ
1	Ông Lê Vũ Hoàng	Chủ tịch HĐQT	-
2	Bà Giao Thị Yến	Phó Chủ tịch HĐQT	20.000/0,03%
3	Ông Lê Quốc Bình	Thành viên HĐQT	1.010.000/1,73%
4	Ông Trương Khắc Hoàn	Thành viên HĐQT	23.000/0,04%
5	Ông Virgilio Cenvantes Rivera Jr	Thành viên HĐQT	0/0%
6	Ông Luis Juan B.Oreta	Thành viên HĐQT	0/0%
7	Ông Nguyễn Hồng Sơn	Thành viên HĐQT	0/0%

## Các tiểu ban thuộc HĐQT:

Hiện tại công ty chưa thành lập các tiểu ban thuộc HĐQT

## Hoạt động của HĐQT

Trong năm 2013, HĐQT đã họp 27 lần và công bố các Nghị quyết với những nội dung sau:

STT	Số nghị quyết	Ngày	Nội dung
01	01B/NQ-HĐQT-2013	10/01/2013	<ul style="list-style-type: none"><li>- Chấp thuận cho Công ty được bán 3.750.000 cổ phiếu CII (Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật TP.HCM) trên sàn HOSE</li><li>- Ủy quyền cho Ban điều hành Saigon Water: (1) Lựa chọn thời điểm thích hợp để thực hiện việc bán; (2) Quyết định giá bán nguyên tắc cố gắng tối đa mang lại lợi ích kinh tế cho Saigon Water.</li></ul>
02	01/NQ-HĐQT-2013	18/01/2013	<ul style="list-style-type: none"><li>- Thống nhất thời gian và địa điểm tổ chức Đại hội đồng Cổ đông bất thường năm 2013</li><li>- Thống nhất nội dung các tờ trình xin ý kiến Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2013</li><li>- Ủy quyền cho Ông Lê Quốc Bình, chủ tịch HĐQT ký các tờ trình xin ý kiến đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2013.</li></ul>
03	02/NQ-HĐQT-2013	31/01/2013	<ul style="list-style-type: none"><li>- Đồng ý cho Công ty vay của Công ty Cổ phần 565 số tiền là: 30.000.000.000 đồng ( Ba mươi tỷ đồng) để bổ sung vốn lưu động phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.</li><li>- Đồng ý sử dụng toàn bộ các nguồn thu của Công ty để thanh toán nợ vay cho Công ty Cổ phần 565 khi đến hạn thanh toán</li><li>- Giao cho Ông Trương Khắc Hoàn – Tổng Giám đốc Công ty ký hợp đồng vay và tất cả các hồ sơ có liên quan đến việc vay vốn.</li></ul>

04	03/NQ-HĐQT-2013	04/02/2013	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chấp thuận cho Công ty được mua lại 90% số lượng cổ phần được phát hành bởi Công ty BOO Cấp thoát nước Đại An</li> <li>- Giao cho Tổng giám đốc Saigon Water: (1) Thu xếp nguồn vốn thích hợp để thực hiện mua số cổ phần nói trên; (2) Lựa chọn thời điểm thích hợp để thực hiện việc mua cổ phần nêu trên; (3) Ký kết hợp đồng mua cổ phần và thực hiện các thủ tục có liên quan theo đúng quy định của Pháp luật.</li> </ul>
05	04/NQ-HĐQT-2013	14/03/2013	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông qua nội dung “ Thỏa thuận nguyên tắc” giữa Công ty và Công ty Manila Water Corporation (MWC) về việc MWC tham gia đầu tư vào Saigon Water.</li> <li>- Hội đồng Quản trị giao cho Tổng giám đốc Công ty thực hiện các thủ tục liên quan đến thỏa thuận giữa MWC và SaigonWater</li> </ul>
06	05/NQ-HĐQT-2013	24/04/2013	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chấp thuận đề nghị Ngân hàng TMCP Á Châu (ACB) cấp tín dụng cho Công ty bằng các hình thức cho vay, bảo lãnh (bao gồm cả phát hành thư tín dụng), phát hành thẻ, chiết khấu và các hình thức cấp tín dụng khác. Đề nghị ACB chấp thuận bảo lãnh của Công ty như là biện pháp bảo đảm trong việc ACB cấp tín dụng cho tổ chức, cá nhân khác theo đề nghị của Công ty. Số tiền gốc cấp tín dụng không vượt quá 60.000.000.000 VND (Bằng chữ: Sáu mươi tỷ đồng chẵn.)</li> <li>- Chấp thuận dùng tài sản là: 9.000.000 cổ phiếu của Công ty CP BOO Cấp thoát nước Đại An thuộc quyền sở hữu của Công ty để bảo đảm cho các nghĩa vụ của Công ty với ACB, bao gồm số tiền gốc đã nêu trên và các khoản lãi, phí, các khoản phải trả khác.</li> <li>- Chấp thuận các nội dung cụ thể của: Hợp đồng tín dụng, hợp đồng bảo lãnh, các hợp đồng liên quan đến việc cấp tín dụng, các hợp đồng bảo đảm, các văn bản đề nghị, cam kết, giao dịch của Công ty với ACB giao cho người đại diện pháp luật hoặc theo ủy quyền của Công ty ký kết.</li> </ul>
07	06/NQ-HĐQT-2013	15/05/2013	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Cử bà Giao Thị Yến, hiện là Phó chủ tịch HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc Công ty là người đại diện 90% tổng số cổ phần của Saigon Water tại Công ty Cổ phần BOO Cấp thoát nước Đại An</li> <li>- Cử bà Giao Thị Yến, ông Trương Khắc Hoàn tham gia ứng cử là thành viên HĐQT Công ty Cổ phần BOO Cấp thoát nước Đại An</li> <li>- Cử ông Lê An Bình, bà Hồ Thị Xuân tham gia ứng cử Thành viên Ban kiểm soát Công ty Cổ phần BOO Cấp thoát nước Đại An</li> </ul>

08	07/NQ-HĐQT-2013	17/06/2013	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chấp thuận cho Công ty được tham gia đấu giá cổ phần chào bán lần đầu ra công chúng của Công ty TNHH MTV Cấp nước Long An. Số lượng cổ phần đăng ký đấu giá: 3.199.900 cổ phần chiếm 23.7% vốn điều lệ</li> <li>- Ủy quyền cho Ban điều hành Công ty thu xếp nguồn vốn thích hợp để tham gia đấu giá và quyết định giá đấu giá trên nguyên tắc cố gắng tối đa mang lại lợi ích kinh tế cho Công ty.</li> </ul>
09	08/NQ-HĐQT-2013	01/07/2013	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thống nhất triệu tập Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2012.</li> <li>- Ngày chốt danh sách để tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2012.</li> <li>- HĐQT thống nhất ủy quyền cho Ban Tổng giám đốc Công ty chỉ đạo thực hiện những nội dung để tiến hành tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2012.</li> </ul>
10	09/NQ-HĐQT-2013	02/07/2013	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chấp thuận cho Công ty Cổ phần Hạ tầng nước Sài Gòn mua 366.590 cổ phần phổ thông (tương đương 7,33% vốn điều lệ) của Công ty Cổ phần BOO Nước Thủ Đức từ "CI".</li> <li>- Hội đồng quản trị thống nhất ủy quyền cho ông Trương Khắc Hoàn – Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc – ký kết Hợp đồng với đối tác để thực hiện mua số lượng cổ phần nêu trên.</li> </ul>
11	10/NQ-HĐQT-2013	04/07/2013	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Để cơ cấu lại danh mục đầu tư của Công ty phù hợp với định hướng chiến lược “ phát triển chuyên ngành Hạ tầng nước” đã được đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2013 thông qua, Hội đồng quản trị thống nhất thông qua chủ trương: Chấp thuận cho Công ty Cổ phần Hạ tầng nước Sài Gòn thoái vốn đầu tư vào các công ty liên kết không thuộc ngành Hạ tầng nước.</li> <li>- Hội đồng quản trị thống nhất ủy quyền cho Ông Trương Khắc Hoàn – Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc – ký kết Hợp đồng với đối tác để thực hiện việc chuyển nhượng các phần vốn góp đầu tư nêu trên.</li> </ul>
12	11/NQ-HĐQT-2013	29/07/2013	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thống nhất thời gian và địa điểm tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2012.</li> <li>- Thống nhất bổ sung nội dung xin ý kiến tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2012.</li> <li>- HĐQT thống nhất thông qua các tài liệu trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2012 và ủy quyền cho Ông Lê Quốc Bình – Chủ tịch “HĐQT” Công ty ký ban hành các tài liệu này.</li> </ul>
13	12/NQ-HĐQT-2013	30/07/2013	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chấp thuận việc Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng kỹ</li> </ul>

			<p>thuật TP.HCM (CII) chào mua công khai cổ phiếu của Công ty Cổ phần Hạ tầng nước Sài Gòn (mã chứng khoán SII) với thông tin về đợt chào mua theo như Bản đăng ký chào mua công khai số 508A/2013/CV-CII ngày 26/07/013 của CII.</p>
14	13/NQ-HĐQT-2013	09/08/2013	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chấp thuận cho Công ty Cổ phần Hạ tầng nước Sài Gòn “ Saigon Water” được chuyển nhượng 262.000 cổ phiếu Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển xây dựng. Ủy quyền cho Ông Trương Khắc Hoàn – Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc (1) Lựa chọn thời gian thích hợp để thực hiện việc chuyển nhượng; (2) Quyết định giá bán nhưng không thấp hơn 100 đồng/cổ phiếu.</li> <li>- Thống nhất mô hình tổ chức hoạt động của “Saigon Water” theo tờ trình số: 64/2013/TT-SAIGON WATER ngày 08/08/2013 của Ban điều hành.</li> </ul>
15	14/NQ-HĐQT-2013	12/08/2013	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Do nhầm lẫn việc tính toán nên ngày 04/07/2013 Hội đồng quản trị đã ban hành Nghị quyết số: 10/NQ-HĐQT-2013 chấp nhận cho Công ty Cổ phần Hạ tầng nước Sài Gòn chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp đầu tư tại Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng cầu đường Bình Triệu cho “CII” với tổng giá trị chuyển nhượng là 47.434.620.000 đồng, giá trị chuyển nhượng này thấp hơn giá mục tiêu của Công ty. Do đó, nay Hội đồng quản trị thống nhất điều chỉnh giá chuyển nhượng là 63.418.426.500 đồng. Hội đồng quản trị thống nhất ủy quyền cho ông Trương Khắc Hoàn – Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc – ký kết phụ lục hợp đồng với đối tác để thực hiện việc điều chỉnh giá chuyển nhượng khoản đầu tư nêu trên.</li> </ul>
16	15/NQ-HĐQT-2013	13/08/2013	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chấp thuận đơn từ nhiệm chức danh Thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2011 – 2015 của Ông Mai Thanh Trúc kể từ ngày 13/08/2013 theo nguyện vọng cá nhân.</li> <li>- Căn cứ điều 24 của Điều lệ Công ty, Hội đồng Quản trị (HĐQT) thống nhất bổ nhiệm ông Lê Vũ Hoàng làm thành viên HĐQT mới để thay thế ông Mai Thanh Trúc và sẽ trình Đại hội đồng cổ đông thông qua tại phiên họp Đại hội đồng cổ đông thường niên 2012 tổ chức ngày 15/08/2013.</li> <li>- Hội đồng quản trị thống nhất bầu ông Lê Vũ Hoàng giữ chức vụ Chủ tịch Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2011-2015 thay thế cho Ông Lê Quốc Bình kể từ ngày 13/08/2013.</li> </ul>
17	16/NQ-HĐQT-2013	16/08/2013	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thống nhất phương án chào bán cổ phiếu riêng lẻ năm 2013.</li> <li>- Giao cho ông Trương Khắc Hoàn, Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc công ty ký kết các hợp đồng, thỏa thuận và giấy tờ có liên quan đến đợt chào bán cổ phiếu riêng lẻ.</li> </ul>

18	17NQ-HĐQT-2013	19/08/2013	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông qua toàn văn của Dự thảo Hợp đồng đầu tư sẽ được ký kết vào ngày 19/08/2013 giữa Công ty Cổ phần Hạ tầng nước Sài Gòn và Manila Water South Asia Holdings Pte LTD.</li> <li>- Giao cho Ông Trương Khắc Hoàn – Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc – ký kết Hợp đồng đầu tư và các tài liệu khác có liên quan với đối tác.</li> </ul>
19	18/NQ-HĐQT-2013	21/08/2013	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Để tuân thủ tỷ lệ nắm giữ của nhà đầu tư nước ngoài với cổ phiếu SII tại HOSE theo quy định của pháp luật hiện hành khi Công ty thực hiện việc phát hành và chào bán cổ phiếu riêng lẻ theo Phương án chào bán cổ phiếu riêng lẻ năm 2013 và Phương án chào bán cổ phiếu riêng lẻ đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2012 thông qua tại Nghị quyết số 02/NQ-ĐHĐCĐ ngày 15/08/2013, Hội đồng Quản trị (HĐQT) thống nhất thông qua chủ trương đề nghị Ủy ban Chứng khoán nhà nước chấp thuận cho Công ty Cổ phần Hạ tầng nước Sài Gòn được cố định mức nắm giữ của nhà đầu tư nước ngoài tại Việt Nam đối với số cổ phiếu SII đang niêm yết tại HOSE là 17,74% (tương ứng với tỷ lệ đề nghị phong tỏa là 31,26%).</li> <li>- Giao cho ông Trương Khắc Hoàn – Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc công ty – thực hiện các thủ tục cần thiết để cố định tỷ lệ nắm giữ của Nhà đầu tư nước ngoài đối với cổ phiếu SII ở mức 17,74% để cho phép nhà đầu tư nước ngoài có thể hoàn thành việc mua cổ phiếu chào bán riêng lẻ.</li> <li>- Hủy bỏ khoản 3 điều 2 của Nghị quyết HĐQT số 16/NQ-HĐQT-2013 ngày 16/08/2013 về việc “Giao cho Ông Trương Khắc Hoàn thực hiện các thủ tục cần thiết để cố định tỷ lệ nắm giữ của nhà đầu tư nước ngoài đối với mã chứng khoán SII ở mức 23,42% để cho phép nhà đầu tư nước ngoài có thể hoàn thành việc mua cổ phiếu chào bán riêng lẻ”.</li> </ul>
20	19/NQ-HĐQT-2013	18/09/2013	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Cử bà Giao Thị Yến – Phó chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Hạ tầng nước Sài Gòn, chứng minh nhân dân số 020058350 do Công an TP.HCM cấp ngày 15/11/2012 là người đại diện cho 3.143.440 Cổ phần, chiếm tỷ lệ 23,28% tổng số cổ phần của Công ty Cổ phần Hạ tầng nước Sài Gòn tại Công ty TNHH MTV Cấp nước Long An đồng thời tham gia ứng cử thành viên Hội đồng Quản trị của Công ty TNHH MTV Cấp nước Long An.</li> </ul>
21	20/NQ-HĐQT-2013	24/09/2013	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chấp thuận cho Công ty Cổ phần Hạ tầng nước Sài Gòn (Saigon Water) ký phát hành cam kết cho Manila Water South Asia Holding Pte Ltd (MWSAH) với nội dung chính như sau: Trong trường hợp thời hạn chốt tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài đối với cổ phiếu SII không được gia hạn, dẫn đến hợp đồng phát hành và chào bán 6.146.000 cổ phiếu SII sẽ được ký kết giữa Saigon Water và</li> </ul>

			<p>MWSAH (Investment Agreement 2) không thể thực hiện được, Saigon Water sẽ bồi thường cho MWSAH với số tiền tối đa là 5.000.000 USD.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Ủy quyền cho Ông Trương Khắc Hoàn – TV HĐQT kiêm Tổng giám đốc Công ty – ký kết văn bản cam kết và các tài liệu khác liên quan đến cam kết nêu trên.</li> </ul>
22	21/NQ-HĐQT-2013	08/10/2013	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông qua kết quả phát hành cổ phiếu riêng lẻ (với số lượng cổ phần phát hành là 18.370.000 cổ phần phổ thông) theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2012 tổ chức ngày 15/08/2013.</li> <li>- Thông qua việc sửa đổi, bổ sung điều lệ Công ty liên quan đến thay đổi vốn điều lệ của Công ty.</li> <li>- Thông qua việc đăng ký bổ sung tại Trung tâm lưu ký Chứng khoán Việt Nam và niêm yết bổ sung trên Sở giao dịch Chứng khoán TP.HCM số cổ phiếu phát hành riêng lẻ mới phát hành.</li> </ul>
23	22/NQ-HĐQT-2013	11/10/2013	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thống nhất triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2013 để thông qua việc đăng ký và niêm yết bổ sung 18.370.000 cổ phiếu phát hành riêng lẻ năm 2013 và các nội dung phát sinh khác.</li> <li>- Ngày chốt danh sách để tham dự Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2013.</li> <li>- Hội đồng quản trị thống nhất ủy quyền cho Ban Tổng giám đốc Công ty chỉ đạo thực hiện các nội dung nêu trên.</li> </ul>
24	23/NQ-HĐQT-2013	25/10/2013	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Bổ nhiệm ông Hoàng Diệp Bảo Vinh, sinh năm 1978, trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Quản trị doanh nghiệp, giữ chức vụ Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Hạ tầng nước Sài Gòn kể từ ngày 25 tháng 10 năm 2013.</li> <li>- Tiền lương và các khoản phụ cấp của Ông Hoàng Diệp Bảo Vinh do Công ty Cổ phần Hạ tầng nước Sài Gòn chi trả theo thỏa thuận tại Hợp đồng lao động.</li> </ul>
25	24/NQ-HĐQT-2013	30/10/2013	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thống nhất thời gian và địa điểm tổ chức Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2013</li> <li>- Thống nhất các nội dung trình Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2013.</li> <li>- Hội đồng quản trị thống nhất thông qua nội dung các tài liệu trình Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2013 và ủy quyền cho ông Lê Vũ Hoàng – Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty – ký ban hành các tài liệu này.</li> </ul>

26	25/NQ-HĐQT-2013	12/11/2013	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chấp thuận đơn xin từ nhiệm chức danh Thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2011-2015 của ông Lê Quang Phúc kể từ ngày 12/11//2013 theo nguyện vọng cá nhân.</li> <li>- Thông qua bổ nhiệm ông Nguyễn Hồng Sơn làm thành viên HĐQT thay thế. Quyết định bổ nhiệm ông Nguyễn Hồng Sơn sẽ được trình Đại hội đồng cổ đông thông qua tại phiên họp gần nhất theo đúng quy định của điều lệ công ty.</li> <li>- Chấp thuận việc Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng kỹ thuật TP.HCM (CI) chào mua công khai cổ phiếu của Công ty Cổ phần Hạ tầng nước Sài Gòn (mã cổ phiếu SII) với thông tin về đợt chào mua theo như Bản đăng ký chào mua công khai số 730/2013/CV-CII ngày 08/11/2013.</li> </ul>
27	26/NQ-HĐQT-2013	09/12/2013	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chấp thuận cho Saigon Water được tham gia góp 40% vốn điều lệ Công ty Cổ phần Cấp nước Sài Gòn – Pleiku với số tiền là 36 tỷ đồng tương đương với 3.600.000 cổ phần mệnh giá 10.000 đồng/ cổ phần.</li> <li>- Ủy quyền cho Ông Trương Khắc Hoàn – Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc công ty- toàn quyền quyết định các công việc có liên quan, bao gồm nhưng không hạn chế ở các công việc sau: ký kết hợp đồng/ thỏa thuận góp vốn, ký kết các văn bản và các tài liệu khác có liên quan theo quy định của pháp luật.</li> <li>- Chấp thuận cử Bà Giao Thị Yến và ông Trương Khắc Hoàn là người đại diện sở hữu vốn tại Công ty Cổ phần Cấp nước Sài Gòn – Pleiku.</li> <li>- Chấp thuận đề cử bà Giao Thị Yến và ông Trương Khắc Hoàn tham gia ứng cử vào Hội đồng quản trị của Công ty Cổ phần Cấp nước Sài Gòn – Pleiku.</li> </ul>

#### **Hoạt động của thành viên HĐQT độc lập không điều hành**

Các thành viên HĐQT độc lập không điều hành đều tham dự đầy đủ các cuộc họp và các hoạt động của HĐQT. Các thành viên đều tham gia xem xét, nghiên cứu và đóng góp ý kiến về các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT làm cơ sở để HĐQT ban hành các Nghị quyết, quyết định liên quan.



🚩 **Hoạt động của các tiểu ban trong HĐQT: Không có**

🚩 **Danh sách thành viên HĐQT có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty.**

<b>STT</b>	<b>Họ và tên</b>	<b>Chức vụ</b>
1	Ông Lê Vũ Hoàng	Chủ tịch HĐQT
2	Bà Giao Thị Yến	Phó Chủ tịch HĐQT
3	Ông Lê Quốc Bình	Thành viên HĐQT
4	Ông Trương Khắc Hoàn	Thành viên HĐQT
5	Ông Virgilio Cenvantes Rivera Jr	Thành viên HĐQT
6	Ông Luis Juan B.Oreta	Thành viên HĐQT
7	Ông Nguyễn Hồng Sơn	Thành viên HĐQT

## **2. Ban kiểm soát**

🚩 **Thành viên và cơ cấu**

<b>STT</b>	<b>Họ và tên</b>	<b>Chức vụ</b>
1	Vũ Thị Thủy	Trưởng Ban Kiểm soát
2	Nguyễn Ái Liễu	Thành viên
3	Nguyễn Thị Tuyết Nhung	Thành viên

🚩 **Hoạt động của BKS**

Trong năm 2012, Ban Kiểm soát đã triển khai thực hiện nhiệm vụ sau:

- Giám sát việc tuân thủ Điều lệ tổ chức và hoạt động của công ty và tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành.
- Phối hợp với Ban Giám Đốc và HĐQT kiểm tra giám sát hoạt động SXKD của công ty.
- Thẩm định Báo cáo tài chính hàng quý và Báo cáo tài chính năm, đảm bảo tính trung thực, hợp lý và minh bạch của BCTC. Phân tích đánh giá tình hình tài chính của Công ty.
- Định kỳ hàng quý, Ban kiểm soát lập kế hoạch kiểm tra, giám sát, lập kế hoạch cho từng thành viên. Thực hiện kiểm tra, giám sát theo kế hoạch đã đề ra và tổng kết lập Báo cáo kiểm tra, giám sát.

## **3. Các giao dịch, thù lao, các khoản lợi ích khác của HĐQT, Ban Giám Đốc, Ban Kiểm soát**

🚩 **Lương, thưởng, thù lao và lợi ích**

Công ty không trả thù lao cho HĐQT, BKS. Riêng thưởng dành cho HĐQT sẽ được đưa vào chương trình nghị sự tại Đại Hội Đồng Cổ đông thường niên năm 2013. Lương của ban điều hành năm 2013 như sau:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Thực hiện năm 2013		
			Tổng số tiền	Lương/thù lao	Thưởng
1	Trương Khắc Hoàn	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	988.000.000	975.000.000	13.000.000
2	Giao Thị Yến	Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc	632.666.671	619.666.671	13.000.000
3	Hoàng Diệp Bảo Vinh	Phó Tổng Giám đốc	3.000.000		3.000.000
4	Bùi Quốc Dũng	Kế toán trưởng	328.658.774	316.658.774	12.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b>1.952.325.445</b>	<b>1.911.325.445</b>	<b>41.000.000</b>

#### 📌 Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ:

STT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với cổ đông nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
1	Mai Thanh Trường	Em ruột ông Mai Thanh Trúc - TV. HĐQT	15.000	0,03%	-	-	Bán
2	Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật TP.HCM (CII)	Ông Lê Quốc Bình làm Tổng giám đốc. Chủ tịch HĐQT của SII	14.800.000	25,36%	20.767.140	35,58%	Mua
3	Công ty Cổ phần Tư vấn Quản lý BDSC	Ông Lê Quang Phúc làm Chủ tịch HĐQT của BDSC đồng thời là TV.HQĐT của SII	30.000	0,05%	-	-	Bán
4	Công ty Cổ phần 565		2.287.460	3,92%	-	-	Mua, bán trong kỳ. Đến ngày 16/01/2013 không còn là cổ đông lớn của Công ty SII
5	VIAC (No.1) Limited Partnership		7.034.700	12,05%	7.034.700	12,05%	Mua

#### 📌 Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ:

Trong năm công ty đã có các giao dịch sau với các bên liên quan như sau:

	Mối quan hệ	Năm 2013 VND
<b><i>Chi phí lãi vay phải trả</i></b>		
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh	Công ty liên kết	10.977.004.026
<b><i>Doanh thu thi công công trình</i></b>		
Công ty Cổ phần Kỹ thuật Enviro	Công ty con	5.149.410.000
<b><i>Lãi tiền cho vay</i></b>		
Công ty Cổ phần Kỹ thuật Enviro	Công ty con	118.222.222
<b><i>Doanh thu tài chính từ chuyển nhượng vốn góp</i></b>		
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh	Công ty liên kết	58.673.596.006

Số dư với các bên liên quan:

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
<b><i>Các khoản phải thu</i></b>		
Phải thu từ công ty con - Công ty Cổ phần Kỹ thuật Enviro	6.288.746.167	12.527.082.667
Phải thu công ty liên kết - Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh	272.670.714.696	-
Phải thu cổ tức từ công ty liên kết - Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Cầu đường Bình Triệu	-	13.426.176.538
<b><i>Các khoản trả</i></b>		
Phải trả cho công ty liên kết - Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh	-	198.926.261.815

#### 4. Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty.

Công ty tuân thủ chấp hành các qui định về quản trị công ty theo qui định của pháp luật hiện hành.

## VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH:

### 1. Ý kiến kiểm toán:

Theo ý kiến của đơn vị kiểm toán là Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn tài chính Quốc tế (IFC), Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Hạ tầng nước Sài Gòn đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực và Chế độ Kế toán Việt Nam hiện hành và các qui định pháp lý có liên quan.

### 2. Báo cáo tài chính được kiểm toán

#### 2.1. Báo cáo tài chính được kiểm toán:

Báo cáo tài chính được kiểm toán bao gồm: Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh Báo cáo tài chính được đính kèm theo bản công bố thông tin này.

#### 2.2. Địa chỉ công bố và cung cấp báo cáo tài chính công ty mẹ và báo cáo tài chính hợp nhất:

**Công ty Cổ phần Hạ tầng nước Sài Gòn**

Lầu 7, Tòa nhà 60 NDC, Số 60 Nguyễn Đình Chiểu, Phường Đa Kao, Quận 1, TP.HCM

Website: [www.sii.vn](http://www.sii.vn)

**CÔNG TY CỔ PHẦN HẠ TẦNG NƯỚC SÀI GÒN**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**  
**CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2012**

**CÔNG TY CỔ PHẦN HẠ TẦNG NƯỚC SÀI GÒN**  
Lầu 7, Tòa nhà 60 NDC, Số 60 Nguyễn Đình Chiểu, Quận 1  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

---

**MỤC LỤC**

	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	8 - 30



## **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Hạ tầng Nước Sài Gòn đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

#### **Hội đồng Quản trị**

Ông Lê Vũ Hoàng	Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 15 tháng 08 năm 2013)
Bà Giao Thị Yên	Phó Chủ tịch
Ông Lê Quốc Bình	Thành viên (miễn nhiệm chức danh Chủ tịch ngày 15 tháng 08 năm 2013)
Ông Lê Quang Phúc	Thành viên (miễn nhiệm ngày 15 tháng 11 năm 2013)
Ông Mai Thanh Trúc	Thành viên (miễn nhiệm ngày 13 tháng 08 năm 2013)
Ông Trương Khắc Hoàn	Thành viên
Ông Nguyễn Hồng Sơn	Thành viên (bổ nhiệm ngày 15 tháng 11 năm 2013)
Ông Luis Juan B. Oreta	Thành viên (bổ nhiệm ngày 15 tháng 08 năm 2013)
Ông Virgilio Cervantes Rivera, JR	Thành viên (bổ nhiệm ngày 15 tháng 08 năm 2013)

#### **Ban Tổng Giám đốc**

Ông Trương Khắc Hoàn	Tổng Giám đốc
Bà Giao Thị Yên	Phó Tổng Giám đốc
Ông Hoàng Diệp Bảo Vinh	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 25 tháng 10 năm 2013)

### **TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc



**Trương Khắc Hoàn**  
Tổng Giám đốc

Ngày 27 tháng 3 năm 2014

MỘT  
CÁI  
LÀCH  
TIÊM  
LẠI  
QU  
L



**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN TÀI CHÍNH QUỐC TẾ**  
**International Auditing and Financial Consulting Company Limited**

Địa chỉ: Phòng 3203, Tầng 32, Nhà 34T, KĐT Trung Hòa - Nhân Chính, Quận Cầu Giấy, Hà Nội  
 Address: Room 3203, 32<sup>nd</sup> Floor, 34T Building, Trung Hoa - Nhân Chính, Cầu Giấy District, Hanoi, Vietnam.  
 Tel: +84 4 222 12 891 Fax: +84.4 222 12 892 Email: ifo@ifcvietsiam.com.vn Website: www.ifcvietsiam.com.vn

Số: 3597/2014/BCKT - IFC

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi:** Các Cổ đông  
 Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
 Công ty Cổ phần Hạ tầng Nước Sài Gòn

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Hạ tầng Nước Sài Gòn (gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 27 tháng 3 năm 2014, từ trang 4 đến trang 30 bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (gọi chung là "báo cáo tài chính").

**Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

**Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

**Phạm Tiến Dũng**  
 Phó Tổng Giám đốc  
 GCNĐKHNKT số 0747-2013-072-1  
 Tp. Hà Nội, Ngày 27 tháng 3 năm 2014

**Lương Giang Thạch**  
 Kiểm toán viên  
 GCNĐKHNKT số 2178-2013-072-1

177  
 10  
 104  
 107  
 107



Thành viên hãng **AGN International** / Member Firm of **AGN International**  
 Kiểm toán/Audit . Kế toán/Accounting . Tư vấn thuế/Tax Consulting . Tài chính/Finance

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**  
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

MẪU SỐ B 01-DN/HN  
 Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2013	01/01/2013
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>530.594.694.831</b>	<b>231.332.396.619</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.1</b>	<b>193.523.136.494</b>	<b>28.128.866.469</b>
1. Tiền	111		100.919.469.827	28.128.866.469
2. Các khoản tương đương tiền	112		92.603.666.667	-
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>-</b>	<b>64.812.905.233</b>
1. Đầu tư ngắn hạn	121	V.2	-	64.812.905.233
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>296.749.037.654</b>	<b>98.376.248.096</b>
1. Phải thu khách hàng	131		22.812.544.021	28.746.580.289
2. Trả trước cho người bán	132		741.418.188	1.042.025.214
5. Các khoản phải thu khác	135	V.3	274.085.739.560	68.836.874.578
6. Dự phòng nợ phải thu khó đòi	139		(890.664.115)	(249.231.985)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>36.529.060.285</b>	<b>35.416.917.821</b>
1. Hàng tồn kho	141	V.4	36.529.060.285	35.416.917.821
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>3.793.460.398</b>	<b>4.597.459.000</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		39.119.540	-
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		2.622.264.154	3.683.960.766
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	11.930.019
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		1.132.076.704	901.568.215
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>371.080.522.602</b>	<b>635.320.247.670</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>373.305.064</b>	<b>507.536.905</b>
4. Phải thu dài hạn khác	218		373.305.064	507.536.905
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>161.555.100.554</b>	<b>2.229.300.975</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.5	161.553.811.884	2.212.548.265
- Nguyên giá	222		179.354.913.573	3.628.716.881
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(17.801.101.689)	(1.416.168.616)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.6	1.288.670	16.752.710
- Nguyên giá	228		46.392.120	46.392.120
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(45.103.450)	(29.639.410)
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>V.7</b>	<b>178.316.967.367</b>	<b>617.796.866.339</b>
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		31.964.032.367	118.072.033.888
3. Đầu tư dài hạn khác	258		146.352.935.000	499.724.832.451
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>1.470.257.714</b>	<b>14.786.543.451</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		1.470.257.714	14.786.543.451
<b>VI. Lợi thế thương mại</b>	<b>269</b>	<b>V.8</b>	<b>29.364.891.903</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>901.675.217.433</b>	<b>866.652.644.289</b>

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 30 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

4

**BẢNG CÂN ĐỐI KÊ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**  
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

MẪU SỐ B 01-DN/HN  
 Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2013	01/01/2013
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>134.261.272.319</b>	<b>349.148.564.317</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>54.761.272.319</b>	<b>349.148.564.317</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.9	17.324.102.169	9.484.916.873
2. Phải trả người bán	312		749.626.402	105.546.793.361
3. Người mua trả tiền trước	313		110.000.000	110.000.000
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.10	745.259.817	882.550.931
5. Phải trả người lao động	315		167.470.833	523.976.515
6. Chi phí phải trả	316		140.522.800	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.11	34.816.783.738	232.600.326.637
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		707.506.560	-
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>79.500.000.000</b>	<b>-</b>
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.12	79.500.000.000	-
<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>758.908.219.077</b>	<b>516.259.390.583</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.13</b>	<b>758.908.219.077</b>	<b>516.259.390.583</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		583.700.000.000	400.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		119.923.034.000	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		1.837.104.766	169.526.496
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		84.763.248	84.763.248
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		84.763.248	84.763.248
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		53.278.553.815	115.920.337.591
<b>C. LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ</b>	<b>439</b>		<b>8.505.726.037</b>	<b>1.244.689.389</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>901.675.217.433</b>	<b>866.652.644.289</b>

**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KÊ TOÁN HỢP NHẤT**  
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

MẪU SỐ B 01-DN/HN  
 Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	31/12/2013	01/01/2013
Ngoại tệ các loại			
+ USD		263,82	212,72
+ EUR		-	100,12



Trương Khắc Hoàng  
 Tổng Giám đốc

Ngày 27 tháng 3 năm 2014

Bùi Quốc Dũng  
 Kế toán trưởng

Trần Thị Ngọc Loan  
 Người lập biểu

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 30 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

5



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

MẪU SỐ B 02-DN/HN  
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2013	Năm 2012
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	36.900.323.092	50.905.842.586
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
<b>3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>10</b>		<b>36.900.323.092</b>	<b>50.905.842.586</b>
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	28.706.000.538	33.683.566.288
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>20</b>		<b>8.194.322.554</b>	<b>17.222.276.298</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	62.700.770.548	101.043.061.979
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	55.753.627.879	65.231.729.340
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>26.639.180.697</i>	<i>52.123.118.972</i>
8. Chi phí bán hàng	24		461.996.860	882.339.634
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		16.830.866.237	8.360.143.963
<b>10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>(2.151.397.874)</b>	<b>43.791.125.340</b>
11. Thu nhập khác	31		99.472.315	575.475.160
12. Chi phí khác	32		117.210.893	103.303.121
13. Lợi nhuận khác	40		(17.738.578)	472.172.039
14. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	45		2.082.174.224	63.060.082.411
<b>15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>		<b>(86.962.228)</b>	<b>107.323.379.790</b>
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.5	-	737.221.853
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
<b>18. Lợi nhuận sau thuế TNDN</b>	<b>60</b>		<b>(86.962.228)</b>	<b>106.586.157.937</b>
19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61		(780.334.722)	1.045.848.110
<b>20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ</b>	<b>62</b>		<b>693.372.494</b>	<b>105.540.309.827</b>
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.6	16	2.639



Trương Khắc Hoàng  
Tổng Giám đốc  
Ngày 27 tháng 3 năm 2014

Bùi Quốc Dũng  
Kế toán trưởng

Trần Thị Ngọc Loan  
Người lập biểu

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**  
 (Phương pháp trực tiếp)  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

MẪU B 03-DN/HN  
 Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2013	Năm 2012
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	136.497.298.774	50.926.241.659
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(32.973.688.795)	(145.677.373.606)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(8.280.218.160)	(4.613.598.745)
4. Tiền chi trả lãi vay	04	(13.903.522.446)	(10.938.871.256)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	(653.654.870)	-
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	166.004.054.322	230.213.523.524
7. Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	07	(137.487.552.077)	(23.004.495.406)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>109.202.716.748</b>	<b>96.905.426.170</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(1.383.602.926)	(25.390.909)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị	24	-	125.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(289.953.619.000)	(85.642.420.602)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	1.135.795.306	63.618.598.206
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	109.954.260.601	15.092.001.376
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(180.247.166.019)</b>	<b>(6.832.211.929)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	303.623.034.000	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	63.350.319.034	23.326.254.397
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(70.551.133.738)	(120.839.246.180)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(59.983.500.000)	(6.650.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>236.438.719.296</b>	<b>(97.519.641.783)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>50</b>	<b>165.394.270.025</b>	<b>(7.446.427.542)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>28.128.866.469</b>	<b>35.575.294.011</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>70</b>	<b>193.523.136.494</b>	<b>28.128.866.469</b>



**Trương Khắc Hoàn**  
 Tổng Giám đốc  
 Ngày 27 tháng 3 năm 2014

**Bùi Quốc Dũng**  
 Kế toán trưởng

**Trần Thị Ngọc Loan**  
 Người lập biểu

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 30 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

7

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

MÃU SỐ B 09-DN/HN

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**L THÔNG TIN CHUNG**

**1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Hạ tầng Nước Sài Gòn (gọi tắt là "Công ty") được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103002620 ngày 27 tháng 8 năm 2004 do Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp, thay đổi lần thứ 14 ngày 17 tháng 10 năm 2013.

Vốn điều lệ của Công ty là 583.700.000.000 đồng, được chia thành 58.370.000 cổ phần bằng nhau, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 75 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 44 người).

**2. Ngành nghề kinh doanh**

- Bán buôn máy móc, thiết bị điện, thiết bị điều khiển - đo lường;
- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp;
- Hoạt động thiết kế chuyên dụng;
- Gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại (không hoạt động tại trụ sở);
- Tư vấn về môi trường, tư vấn về công nghệ khác (trừ tư vấn pháp luật);
- Sản xuất sản phẩm từ plastic;
- Thiết kế xây dựng công trình xử lý chất thải, bán buôn thiết bị cấp thoát nước, hệ thống xử lý nước sạch - nước thải. Bán buôn vật tư - thiết bị - phụ tùng ngành công nghiệp, thiết bị xử lý môi trường. Bán buôn hóa chất khác (trừ sử dụng trong nông nghiệp);
- Nuôi trồng thủy sản nước lợ - nước ngọt và sản xuất giống thủy sản (không hoạt động tại trụ sở);
- Sản xuất thiết bị điện khác (không sản xuất tại trụ sở);
- Cho thuê máy móc, thiết bị nông, lâm nghiệp, xây dựng;
- Xây dựng công trình cầu đường, bến cảng, nhà ga, dân dụng, công nghiệp, thủy lợi, xử lý nước thải, cấp nước sinh hoạt, điện chiếu sáng và trạm biến áp;
- Dịch vụ tư vấn về quản lý (trừ tư vấn tài chính);
- Giám sát thi công công trình;
- Thi nghiệm, kiểm nghiệm vật liệu xây dựng;
- Kinh doanh bất động sản.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 Công ty có 2 (hai) công ty con và 1 (một) công ty liên kết, cụ thể:

**Thông tin về công ty con**

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động chính
Công ty Cổ phần Kỹ thuật Enviro	Hồ Chí Minh	85%	85%	Lắp đặt hệ thống cấp thoát nước.
Công ty Cổ phần Cấp nước Sài Gòn Đan Kìa	Tỉnh Lâm Đồng	90%	90%	Khai thác, xử lý và cung cấp nước.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

MẪU SỐ B 09-DN/HN

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)**

*Thông tin về công ty liên kết*

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động chính
Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Long An	Long An	23,28%	23,28%	Khai thác, cung cấp nước sạch; thiết kế lắp đặt hệ thống ống nước

**II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH**

**Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

**Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

**III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và đã được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính.

Công ty đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam hiện hành trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

**Áp dụng hướng dẫn kế toán mới**

*Hướng dẫn mới về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định*

Ngày 25 tháng 4 năm 2013, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 45/2013/TT-BTC ("Thông tư 45") hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thông tư này thay thế Thông tư số 203/2009/TT-BTC ("Thông tư 203") ngày 20 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thông tư 45 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 6 năm 2013 và áp dụng cho năm tài chính 2013 trở đi. Ban Tổng Giám đốc đánh giá Thông tư 45 không có ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

MẪU SỐ B 09-DN/HN

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**Áp dụng hướng dẫn kế toán mới (tiếp theo)**

***Hướng dẫn mới về trích lập dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn vào doanh nghiệp***

Ngày 28 tháng 6 năm 2013, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 89/2013/TT-BTC (“Thông tư 89”) sửa đổi, bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tồn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp tại doanh nghiệp. Thông tư 89 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 26 tháng 7 năm 2013. Ban Tổng Giám đốc đánh giá Thông tư 89 không có ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

**IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất:

**1. Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giá định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính 2013. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giá định đặt ra.

**2. Công cụ tài chính**

Công cụ tài chính là hợp đồng làm tăng tài sản tài chính của Công ty và nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu của đơn vị khác.

***Tài sản tài chính***

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm các khoản tiền và tương đương tiền, các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn, phải thu khách hàng và phải thu khác có khả năng làm tăng tài sản tài chính của Công ty, các khoản đầu tư cổ phiếu, trái phiếu dài hạn và các khoản cho vay, hỗ trợ vốn khác.

***Nợ phải trả tài chính***

Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành khoản nợ phải trả tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay và nợ, phải trả người bán và phải trả khác có khả năng làm giảm tài sản tài chính hoặc giảm nợ phải trả tài chính của Công ty và các khoản chi phí phải trả.

***Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu***

Hiện tại, chưa có quy định và hướng dẫn cụ thể về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

0.28/13

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

MÃU SỐ B 09-DN/HN

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**3. Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty mẹ và báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu (chỉ tiết xem nội dung trình bày dưới đây) và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Công ty trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

**4. Hợp nhất kinh doanh**

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông thiểu số trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

**5. Đầu tư vào công ty liên kết**

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong báo cáo tài chính theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong bảng cân đối kế toán theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Công ty tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Công ty tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

Trong trường hợp một công ty thành viên của Công ty thực hiện giao dịch với một công ty liên kết với Công ty, lãi/lỗ chưa thực hiện tương ứng với phần góp vốn của Công ty vào công ty liên kết, được loại trừ khỏi báo cáo tài chính hợp nhất.

11  
12  
13  
14  
15  
16  
17  
18

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

MÃU SỐ B 09-DN/HN

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**6. Lợi thế thương mại**

Lợi thế thương mại trên báo cáo tài chính hợp nhất là phần phụ trội giữa mức giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con, công ty liên kết, hoặc đơn vị góp vốn liên doanh tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư. Lợi thế thương mại được coi là một loại tài sản vô hình, được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính của lợi thế kinh doanh đó là 10 năm.

Lợi thế kinh doanh có được từ việc mua công ty liên kết được tính vào giá trị ghi sổ của công ty liên kết. Lợi thế kinh doanh từ việc mua các công ty con và các cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được trình bày riêng như một loại tài sản vô hình trên bảng cân đối kế toán.

Khi bán công ty con, công ty liên kết hoặc đơn vị góp vốn liên doanh, giá trị còn lại của khoản lợi thế thương mại chưa khấu hao hết được tính vào khoản lãi/lỗ do nghiệp vụ nhượng bán công ty tương ứng.

**7. Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản tương đương tiền: là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

**8. Dự phòng phải thu khó đòi**

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ một năm trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

**9. Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

**10. Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do các nhà thầu xây dựng bao gồm giá trị công trình hoàn thành bàn giao, các chi phí liên quan trực tiếp khác và lệ phí trước bạ, nếu có.

11/2013  
31  
44  
2013  
110  
TÉ

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

MÃ SỐ B 09-DN/HN

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**10. Tài sản cố định hữu hình và khấu hao (tiếp theo)**

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng, tỷ lệ khấu hao phù hợp với thông tư 45/2013/TT-BTC có hiệu lực áp dụng từ ngày 10 tháng 6 năm 2013 do Bộ Tài chính ban hành. Cụ thể như sau:

	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 40
Máy móc và thiết bị	03 - 20
Phương tiện vận tải	06 - 25
Thiết bị dụng cụ quản lý	05 - 08

**11. Tài sản cố định vô hình và khấu hao**

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Tài sản cố định vô hình của Công ty là giá trị của phần mềm máy tính, được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 - 5 năm.

**12. Các khoản đầu tư tài chính**

*Các khoản đầu tư chứng khoán*

Các khoản đầu tư chứng khoán được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua khoản đầu tư chứng khoán và được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư chứng khoán.

Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo nguyên giá trừ các khoản giảm giá đầu tư chứng khoán.

Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được trích lập theo các quy định về kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng cho các khoản đầu tư chứng khoán tự do trao đổi có giá trị ghi sổ cao hơn giá thị trường tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

**13. Chi phí trả trước**

Các chi phí trả trước chi liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính. Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

Số dư chi phí trả trước dài hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 chủ yếu là chi phí công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn và chi phí sửa chữa, cải tạo văn phòng.

**14. Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đầu tư xây dựng, hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện được quy định trong Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 - "Chi phí đi vay".

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

MẪU SỐ B 09-DN/HN

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**14. Chi phí đi vay (tiếp theo)**

Chi phí lãi vay phát sinh từ các khoản vay ngân hàng để đầu tư và góp vốn vào các dự án Công ty tham gia được ghi nhận là chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ vào chi phí tài chính theo thời gian hoạt động của dự án khi các dự án này có doanh thu.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

**15. Dự phòng phải trả**

Được ghi nhận khi các khoản chi phí thực tế chưa phải trả nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

**16. Ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát sinh và mệnh giá cổ phiếu phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu ngân quỹ.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi nhận theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản nhận được do biểu, tặng, sau khi trừ đi thuế phải nộp liên quan đến các tài sản này.

Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế số cổ phiếu do Công ty phát hành sau đó mua lại được trừ vào vốn chủ sở hữu của Công ty. Công ty không ghi nhận các khoản lãi/(lỗ) khi mua, bán, phát hành các công cụ vốn chủ sở hữu.

Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối là số lợi nhuận (hoặc lỗ) từ kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty trừ (-) chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của kỳ hiện hành và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Nguyên tắc trích lập các khoản dự trữ, các quỹ từ lợi nhuận sau thuế căn cứ vào Điều lệ của Công ty và quyết định của Hội đồng Quản trị thông qua Đại hội đồng cổ đông.

**17. Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

MÃU SỐ B 09-DN/HN

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**17. Ghi nhận doanh thu (tiếp theo)**

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu từ hợp đồng xây dựng của Công ty được ghi nhận theo chính sách kế toán của Công ty về hợp đồng xây dựng (xem thuyết minh Hợp đồng xây dựng).

Doanh thu hoạt động tài chính chủ yếu bao gồm lãi tiền gửi, tiền cho vay và cổ tức, lợi nhuận từ đầu tư chứng khoán, đầu tư vào công ty liên kết và các dự án mà công ty đang đầu tư. Lãi tiền gửi, tiền cho vay ghi nhận trên cơ sở dồn tích, lãi tiền gửi ngân hàng được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng theo thông báo về lãi tiền gửi hàng tháng của ngân hàng; lãi tiền cho vay được tính căn cứ vào số dư khoản cho vay và lãi suất phù hợp với, hợp đồng vay; cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi có thông báo chia cổ tức của đơn vị nhận đầu tư.

**18. Hợp đồng xây dựng**

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán được tính bằng tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoại trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thưởng thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn. Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi các chi phí này đã phát sinh.

**19. Ngoại tệ**

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) "Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái" và Thông tư số 179/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2012 của Bộ Tài chính quy định về ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho cổ đông.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

MÃU SỐ B 09-DN/HN

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**20. Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp băng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>31/12/2013</u>	<u>01/01/2013</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tiền mặt	126.977.490	322.243.744
Tiền gửi ngân hàng	100.792.492.337	23.402.454.523
Tiền đang chuyển	-	4.404.168.202
Các khoản tương đương tiền (i)	92.603.666.667	-
<b>Cộng</b>	<b><u>193.523.136.494</u></b>	<b><u>28.128.866.469</u></b>

(i): Số dư các khoản tương đương tiền tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 thể hiện các khoản tiền gửi ngân hàng với kỳ hạn nhỏ hơn 3 tháng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

**2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn**

	31/12/2013		01/01/2013	
	Số lượng	Giá trị (VND)	Số lượng	Giá trị (VND)
- Cổ phiếu đầu tư ngắn hạn:		-		64.812.905.233
Cổ phiếu Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh			3.750.000	64.812.905.233
Lí do thay đổi: cơ cấu danh mục đầu tư				
<b>Cộng</b>				<b>64.812.905.233</b>

**3. Các khoản phải thu khác**

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ Tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh (i)	272.670.714.696	-
Công ty Cổ Phần Đầu tư Năm Bảy Bảy	-	55.273.737.600
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Cầu đường Bình Triệu	-	13.426.176.538
Phải thu khác	1.415.024.864	136.960.440
<b>Cộng</b>	<b>274.085.739.560</b>	<b>68.836.874.578</b>

(i): Số dư phải thu khác Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh (CII) tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, bao gồm:

- Phải thu từ việc chuyển nhượng khoản đầu tư vào dự án Diamond Riverside cho CII là 257.115.114.974 đồng; được thực hiện theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông số 02/NQ – ĐHDĐD ngày 15 tháng 08 năm 2013 và theo hợp đồng chuyển nhượng ngày 16 tháng 8 năm 2013 và phụ lục hợp đồng chuyển nhượng ngày 17 tháng 10 năm 2013.
- Phải thu từ việc chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp và quyền góp vốn đầu tư tại Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Xây dựng Ninh Thuận cho CII là 15.555.599.722 đồng; được thực hiện theo nghị quyết của Hội đồng Quản trị số 10/NQ – HĐQT-2013 ngày 04 tháng 07 năm 2013 và theo hợp đồng chuyển nhượng ngày 8 tháng 7 năm 2013 và phụ lục hợp đồng chuyển nhượng ngày 17 tháng 10 năm 2013.

**4. Hàng tồn kho**

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	558.948.185	507.325.989
Công cụ, dụng cụ	78.673.000	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	35.891.439.100	34.909.591.832
<b>Cộng</b>	<b>36.529.060.285</b>	<b>35.416.917.821</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

MÃU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

**5. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>					
Tại ngày 01/01/2013	-	36.795.455	3.273.852.167	318.069.259	3.628.716.881
Mua trong kỳ	38.181.818	1.158.191.108	-	-	1.196.372.926
Tăng khác (i)	39.226.067.800	49.583.848.590	84.500.000.000	1.849.931.207	175.159.847.597
Giảm khác (ii)	(11.567.800)	(145.785.637)	-	(472.670.394)	(630.023.831)
Tại ngày 31/12/2013	<b>39.252.681.818</b>	<b>50.633.049.516</b>	<b>87.773.852.167</b>	<b>1.695.330.072</b>	<b>179.354.913.573</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>					
Tại ngày 01/01/2013	-	14.951.396	1.178.639.023	222.578.195	1.416.168.616
Khấu hao trong kỳ	1.702.624.153	4.847.414.692	3.922.360.786	291.894.990	10.764.294.621
Tăng khác (i)	987.866.936	2.820.509.972	1.971.666.669	162.342.110	5.942.385.687
Giảm khác (ii)	(240.996)	(37.890.380)	-	(283.615.859)	(321.747.235)
Tại ngày 31/12/2013	<b>2.690.250.093</b>	<b>7.644.985.680</b>	<b>7.072.666.480</b>	<b>393.199.436</b>	<b>17.801.101.689</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
Tại ngày 01/01/2013	-	<b>21.844.059</b>	<b>2.095.213.142</b>	<b>95.491.064</b>	<b>2.212.548.265</b>
Tại ngày 31/12/2013	<b>36.562.431.725</b>	<b>42.988.063.836</b>	<b>80.701.185.687</b>	<b>1.302.130.636</b>	<b>161.553.811.884</b>

(i) Tăng khác từ hợp nhất: cộng, trừ các biến động tương ứng trong kỳ của công ty con là Công ty Cổ phần nước Sài Gòn Đan Kia vào công ty mẹ. Số dư đầu kỳ không bao gồm số liệu của công ty con do công ty mẹ không nắm giữ Công ty con từ đầu kỳ báo cáo.

(ii): Tài sản cố định giảm trong kỳ thực hiện theo quy định tại thông tư 45/2013/TT-BTC đối với các tài sản không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định.

**6. Tài sản cố định vô hình**

	Bản quyền phần mềm kế toán VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>	
Tại ngày 01/01/2013	46.392.120
Tăng trong kỳ	-
Tại ngày 31/12/2013	<b>46.392.120</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>	
Tại ngày 01/01/2013	29.639.410
Khấu hao trong kỳ	15.464.040
Tại ngày 31/12/2013	<b>45.103.450</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>	
Tại ngày 01/01/2013	<b>16.752.710</b>
Tại ngày 31/12/2013	<b>1.288.670</b>

12/12/2013

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

MÃU SỐ B 09-DN/HN

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**7. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn**

	31/12/2013		01/01/2013	
	Số lượng	Giá trị (VND)	Số lượng	Giá trị (VND)
<b>a - Đầu tư vào công ty liên kết</b>		<b>31.964.032.367</b>		<b>118.072.033.888</b>
Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Long An	3.143.440	31.964.032.367	-	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Cầu đường Bình Triệu	-	-	3.373.500	63.417.043.707
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Xây dựng Ninh Thuận	-	-	-	54.654.990.181
<b>b - Đầu tư dài hạn khác</b>		<b>146.352.935.000</b>		<b>499.724.832.451</b>
<b>- Đầu tư cổ phiếu:</b>		<b>146.352.935.000</b>		<b>5.835.950.069</b>
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Xây dựng	-	-	262.000	5.835.950.069
Công ty Cổ phần B.O.O Nước Thủ Đức	409.114	145.352.935.000	-	-
Công ty Cổ phần Cấp nước Sài Gòn - Pleiku	100.000	1.000.000.000	-	-
<b>- Đầu tư dài hạn khác:</b>		<b>-</b>		<b>493.888.882.382</b>
Dự án khu căn hộ Diamond Reverside tại quận 8, T.p Hồ Chí Minh	-	-	-	398.369.280.000
Quyền thu phí giao thông trạm Kinh Dương Vương và trạm Xa Lộ Hà Nội	-	-	-	95.519.602.382
<b>Cộng các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>		<b><u>178.316.967.367</u></b>		<b><u>617.796.866.339</u></b>

Với mục đích cơ cấu lại danh mục đầu tư của công ty phù hợp với định hướng chiến lược phát triển chuyên ngành hạ tầng nước đã được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2012 ngày 15 tháng 08 năm 2013 và các Nghị quyết Hội đồng Quản trị trong năm 2013, Công ty chủ trương thoái vốn đầu tư khỏi các công ty có lĩnh vực hoạt động không thuộc ngành hạ tầng nước. Đối tác nhận chuyển nhượng chủ yếu là Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh (CIH).

Đồng thời, Công ty cũng đầu tư thêm vào các công ty trong lĩnh vực hạ tầng nước như Công ty Cổ phần Cấp nước Long An, Công ty Cổ phần Cấp nước Sài Gòn Pleiku và Công ty Cổ phần BOO Nước Thủ Đức.

**8. Lợi thế thương mại**

	<b>Lợi thế thương mại VND</b>
Tại ngày 01 tháng 01 năm 2013	-
Tăng trong kỳ	32.627.657.670
Phân bổ trong kỳ	(3.262.765.767)
<b>Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013</b>	<b><u>29.364.891.903</u></b>

Số dư khoản lợi thế thương mại tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 phát sinh từ hợp nhất kinh doanh khoản đầu tư vào Công ty con là Cổ phần Cấp nước Sài Gòn Đan gia.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

**9. Vay và nợ ngắn hạn**

	<b>31/12/2013</b>	<b>01/01/2013</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Vay ngắn hạn</b>	<b>9.203.168.167</b>	<b>9.484.916.873</b>
Ông Lê An Bình (i)	9.203.168.167	9.353.168.167
Ngân Hàng TNHH Một Thành Viên ANZ - Phòng giao dịch Quận 1	-	131.748.706
Vay thấu chi Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Lâm Đồng (ii)	1.120.934.002	-
<b>Vay dài hạn đến hạn trả</b>	<b>7.000.000.000</b>	<b>-</b>
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Lâm Đồng (xem tại thuyết minh V.12)	7.000.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>17.324.102.169</b>	<b>9.484.916.873</b>

(i): Số dư khoản vay ngắn hạn Ông Lê An Bình tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2013 là khoản vay với mục đích bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh tại Công ty. Các khoản vay này được thực hiện theo các hợp đồng vay, lãi suất vay được quy định cụ thể theo từng hợp đồng vay theo từng thời điểm.

(ii): Số dư khoản vay thấu chi Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Lâm Đồng được thực hiện theo 2 hợp đồng vay sau:

- Hợp đồng tín dụng số 00620/2013 ngày 4 tháng 10 năm 2013 với hạn mức thấu chi là 1 tỷ đồng, thời hạn hợp đồng từ ngày kí đến hết ngày 4 tháng 10 năm 2014, lãi suất tại ngày kí hợp đồng là 10%/năm và sẽ được điều chỉnh hàng tháng vào ngày tính lãi, mục đích vay là để thanh toán tiền điện cho nhà máy sản xuất nước.

- Hợp đồng tín dụng số 00620/2013/000308 ngày 4 tháng 12 năm 2013, lãi suất vay tại ngày kí hợp đồng là 10,5%/năm và được điều chỉnh mỗi tháng một lần, thời hạn vay là 12 tháng tính từ ngày giải ngân đầu tiên, mục đích vay là để mua tổ máy phát điện phục vụ hoạt động sản xuất. Công ty đã dùng tài sản cố định là tổ máy phát điện hình thành từ khoản vay để thế chấp cho khoản vay này.

**10. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước**

	<b>31/12/2013</b>	<b>01/01/2013</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Thuế giá trị gia tăng	90.471.614	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	41.392	230.592.858
Thuế thu nhập cá nhân	52.853.740	651.958.073
Thuế tài nguyên	35.925.621	-
Thuế, phí nước thô	565.967.450	-
<b>Cộng</b>	<b>745.259.817</b>	<b>882.550.931</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

MÃU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

**11. Các khoản phải trả phải nộp ngắn hạn khác**

	<b>31/12/2013</b>	<b>01/01/2013</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Bảo hiểm xã hội	8.379.615	16.346
Mượn tiền Ông Phạm Văn Từ (i)	24.543.885.548	23.582.885.548
Công ty TNHH Một thành viên Cấp thoát nước Môi trường Bình Dương	3.000.000.000	4.000.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh	-	198.926.261.815
Mượn tiền Ông Lê An Bình	6.408.091.725	6.042.098.346
Thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát	833.789.000	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	22.637.850	49.064.582
<b>Cộng</b>	<b>34.816.783.738</b>	<b>232.600.326.637</b>

(i): Số dư khoản phải trả ngắn hạn Ông Phạm Văn Từ tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2013 thể hiện khoản tiền Công ty mượn không tính lãi vay, liên quan tới mục đích bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh tại Công ty.

**12. Vay và nợ dài hạn**

	<b>31/12/2013</b>	<b>01/01/2013</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Lâm Đồng (i)	86.500.000.000	-
<b>Nợ vay dài hạn đến hạn trả</b>	<b>(7.000.000.000)</b>	<b>-</b>
<b>Cộng</b>	<b>79.500.000.000</b>	<b>-</b>

(i): Số dư khoản vay dài hạn từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Lâm Đồng tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 được sử dụng với mục đích mua lại nhà máy cấp nước Đankia 2. Hạn mức khoản vay là 90.000.000.000 đồng với thời hạn 7 năm, lãi suất vay 6 tháng đầu tiên là 12%/năm, 6 tháng sau là 13%/năm, kể từ năm thứ 2 lãi suất vay bằng lãi suất cơ sở của Ngân hàng Công thương Việt Nam theo từng thời kỳ cộng biên độ 3%/năm. Khoản vay được đảm bảo bằng Quyền sử dụng đất thừa đất số 04, 407, 17, tài sản gắn liền với đất tại Xã Lát, huyện Lạc Dương, phường 7 - Thành phố Đà Lạt theo Hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai số 12321109DN ngày 26 tháng 12 năm 2012.

**Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:**

	<b>31/12/2013</b>	<b>01/01/2013</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Trong vòng một năm	7.000.000.000	-
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	58.700.000.000	-
Sau năm năm	20.800.000.000	-
	<b>86.500.000.000</b>	<b>-</b>
Trừ số phải trả trong vòng 12 tháng	<b>(7.000.000.000)</b>	<b>-</b>
<b>Số phải trả sau 12 tháng</b>	<b>79.500.000.000</b>	<b>-</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

MÃU SỐ B 09-DN/11N

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**13. Vốn chủ sở hữu**

**a. Thay đổi trong vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
<b>Số dư tại ngày 01/01/2012</b>	400.000.000.000	-	169.526.496	84.763.248	84.763.248	10.387.027.764	410.726.080.756
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	105.540.309.827	105.540.309.827
Chia cổ tức năm 2010	-	-	-	-	-	(7.000.000)	(7.000.000)
<b>Số dư tại ngày 01/01/2013</b>	<b>400.000.000.000</b>	<b>-</b>	<b>169.526.496</b>	<b>84.763.248</b>	<b>84.763.248</b>	<b>115.920.337.591</b>	<b>516.259.390.583</b>
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	693.372.494	693.372.494
Tặng trong năm	183.700.000.000	119.923.034.000	-	-	-	-	303.623.034.000
Trích quỹ trong năm	-	-	1.667.578.270	-	-	(1.667.578.270)	-
Trích quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi	-	-	-	-	-	(833.789.000)	(833.789.000)
Chia cổ tức năm 2012	-	-	-	-	-	(60.000.000.000)	(60.000.000.000)
Trích thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát	-	-	-	-	-	(833.789.000)	(833.789.000)
<b>Số dư tại ngày 31/12/2013</b>	<b>583.700.000.000</b>	<b>119.923.034.000</b>	<b>1.837.104.766</b>	<b>84.763.248</b>	<b>84.763.248</b>	<b>53.278.553.815</b>	<b>758.908.219.077</b>

Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2012 số 02/NQ-DHĐCĐ ngày 15 tháng 08 năm 2013 của Công ty đã thông qua các phương án tăng vốn trong năm 2013, chia cổ tức năm 2012, trích lập các quỹ đầu tư phát triển, quỹ khen thưởng phúc lợi và thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

MẪU SỐ B 09-DN/HN

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**13. Vốn chủ sở hữu (tiếp theo)**

**b. Cổ phiếu**

	<b>31/12/2013</b>	<b>01/01/2013</b>
	<b>Cổ phần</b>	<b>Cổ phần</b>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	58.370.000	40.000.000
<i>Số lượng cổ phiếu bán ra công chúng</i>	<i>58.370.000</i>	<i>40.000.000</i>
Cổ phiếu phổ thông	58.370.000	40.000.000
<i>Số lượng cổ phiếu đang lưu hành</i>	<i>58.370.000</i>	<i>40.000.000</i>
Cổ phiếu phổ thông	58.370.000	40.000.000

Mệnh giá một cổ phiếu là 10.000 VND

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<b>Năm 2013</b>	<b>Năm 2012</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Doanh thu cung cấp, lắp đặt vật tư thiết bị xử lý môi trường	6.496.248.842	50.905.842.586
Doanh thu cung cấp dịch vụ tư vấn công nghệ sản xuất nước sạch	398.800.000	-
Doanh thu cung cấp nước sạch	30.005.274.250	-
<b>Cộng</b>	<b>36.900.323.092</b>	<b>50.905.842.586</b>

**2. Giá vốn hàng bán**

	<b>Năm 2013</b>	<b>Năm 2012</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Giá vốn cung cấp, lắp đặt vật tư thiết bị xử lý môi trường	8.785.768.814	33.683.566.288
Giá vốn dịch vụ tư vấn công nghệ sản xuất nước sạch	37.503.026	-
Giá vốn cung cấp nước sạch	19.882.728.698	-
<b>Cộng</b>	<b>28.706.000.538</b>	<b>33.683.566.288</b>

**3. Doanh thu hoạt động tài chính**

	<b>Năm 2013</b>	<b>Năm 2012</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	3.271.391.377	344.805.910
Cổ tức, lợi nhuận được chia	8.972.882.662	100.698.256.069
Lãi đầu tư chứng khoán	40.730.142.267	-
Lãi phát sinh từ chuyển nhượng các dự án và các khoản đầu tư tài chính dài hạn	9.680.911.653	-
Doanh thu tài chính khác	45.442.589	-
<b>Cộng</b>	<b>62.700.770.548</b>	<b>101.043.061.979</b>

123  
TỶ  
LỆ  
AN  
CH  
TỔ  
TP

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

MÃU SỐ B 09-DN/HN

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**4. Chi phí tài chính**

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Lãi tiền vay	26.639.180.697	52.123.118.792
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn	28.948.626.765	11.777.484.336
Hoàn nhập dự phòng các khoản đầu tư	-	(637.944.032)
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	-	157.073.605
Chi phí tài chính khác	165.820.417	1.811.996.639
<b>Cộng</b>	<b>55.753.627.879</b>	<b>65.231.729.340</b>

**3. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp**

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Lợi nhuận trước thuế	(86.962.228)	107.323.379.790
<b>Các khoản điều chỉnh tăng</b>		
- Các khoản chi không được khấu trừ	536.302.620	-
- Điều chỉnh lợi nhuận khi thanh lý khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	28.480.663.889	-
- Phân bổ lợi thế thương mại	3.262.765.767	-
- Lỗ của công ty con	5.613.082.597	-
<b>Các khoản điều chỉnh giảm</b>		
- Lợi nhuận được chia từ công ty liên doanh, liên kết	(215.288.367)	(63.060.082.411)
- Thu nhập không chịu thuế	(8.178.910.555)	(36.589.922.998)
<b>Lợi nhuận tính thuế</b>	<b>29.411.653.723</b>	<b>7.673.374.381</b>
Chuyển lỗ từ các năm trước	(29.411.653.723)	(3.667.353.521)
<b>Thu nhập chịu thuế</b>	<b>-</b>	<b>4.006.020.860</b>
Thuế suất thông thường	25%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	1.001.505.215
Thuế TNDN được miễn giảm	-	264.283.362
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>-</b>	<b>737.221.853</b>
<b>Chi tiết lỗ lũy kế các năm:</b>		
	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
Năm chuyển lỗ		
2011	(18.433.706.997)	(35.542.430.084)
2012	(17.016.318.593)	(30.151.014.485)
2013	(5.613.082.597)	-
<b>Cộng</b>	<b>(41.063.108.187)</b>	<b>(65.693.444.569)</b>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Công ty có các khoản lỗ tính thuế là 41.063.108.187 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2012: 65.693.444.569 đồng) có thể được sử dụng để khấu trừ vào lợi nhuận trong tương lai. Không có tài sản thuế thu nhập hoãn lại nào được ghi nhận cho khoản lỗ còn lại với số tiền 41.063.108.187 đồng (năm 2012: 65.693.444.569 đồng) vì Công ty không chắc chắn về khoản lợi nhuận trong tương lai.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

MẪU SỐ B 09-DN/HN

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**4. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	<b>Năm 2013</b>	<b>Năm 2012</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	693.372.494	105.540.309.827
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	44.227.616	40.000.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>16</b>	<b>2.639</b>

**VII. THÔNG TIN KHÁC**

**1. Công cụ tài chính**

**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa cơ cấu vốn nguồn vốn (duy trì tỷ lệ nợ phải trả trong tổng nguồn vốn và tỷ lệ vốn chủ sở hữu phù hợp).

Cấu trúc nguồn vốn của Công ty gồm có các khoản nợ (các khoản vay và nợ phải trả người bán, phải trả khác, chi phí phải trả) và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của công ty mẹ (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

**Các chính sách kế toán chủ yếu**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số IV "Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu" tương ứng.

**Các tài sản tài chính**

	<b>Giá trị ghi sổ</b>	
	31/12/2013	01/01/2013
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền và tương đương tiền	193.523.136.494	28.128.866.469
Phải thu khách hàng	21.921.879.906	29.539.373.518
Phải thu khác	274.459.044.624	68.836.874.578
Đầu tư tài chính ngắn hạn	-	64.812.905.233
Đầu tư tài chính dài hạn	178.316.967.367	617.796.866.339
<b>Tổng cộng</b>	<b>668.221.028.391</b>	<b>809.114.886.137</b>

**Công nợ tài chính**

Các khoản vay và nợ	96.824.102.169	9.484.916.873
Phải trả người bán	749.626.402	105.546.793.361
Phải trả khác	34.816.783.738	232.600.326.637
Chi phí phải trả	140.522.800	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>132.531.035.109</b>	<b>347.632.036.871</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

MÃU SỐ B 09-DN/HN

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**1. Công cụ tài chính (tiếp theo)**

Công ty chưa chưa xác định được giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính đã ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

**Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính**

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản. Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm chung đối với việc thiết lập và giám sát nguyên tắc quản lý rủi ro tài chính. Ban Tổng Giám đốc thiết lập các nguyên tắc và thực hiện giám sát, quản lý rủi ro tài chính nhằm phát hiện và phân tích các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các biện pháp kiểm soát rủi ro và xây dựng các hạn mức rủi ro thích hợp. Hệ thống và chính sách quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của các điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

**Rủi ro thị trường**

Rủi ro thị trường là rủi ro giá trị hợp lý hoặc lưu chuyển tiền tệ tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo sự biến động của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại rủi ro: rủi ro tiền tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro giá. Mục tiêu của việc quản lý rủi ro thị trường là quản lý và kiểm soát mức độ rủi ro trong giới hạn chấp nhận được, trong khi vẫn tối đa hóa lợi nhuận.

**Quản lý rủi ro tiền tệ**

Rủi ro tiền tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái. Công ty chịu rủi ro tiền tệ do sự thay đổi của tỷ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến các hoạt động kinh doanh của Công ty (khi doanh thu và chi phí được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng tiền hạch toán của Công ty). Tuy nhiên rủi ro tiền tệ của Công ty được đánh giá là không đáng kể do các giao dịch của Công ty chủ yếu được thực hiện bằng đồng Việt Nam.

**Quản lý rủi ro lãi suất**

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi đã được ký kết. Công ty quản trị rủi ro bằng cách theo dõi chặt chẽ tình hình thị trường có liên quan, bao gồm thị trường tiền tệ, kinh tế trong nước và quốc tế. Trên cơ sở đó, Công ty dự tính và điều chỉnh mức đòn bẩy tài chính cũng như chiến lược tài chính theo tình hình hiện tại.

**Quản lý rủi ro về giá**

Công ty có các hoạt động đầu tư vốn vào các công ty niêm yết và chưa niêm yết do đó chịu rủi ro biến động giá của các khoản đầu tư này. Các yếu tố rủi ro ảnh hưởng đến kết quả của các khoản đầu tư này bao gồm kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính của các công ty được đầu tư và điều kiện thị trường.

Ban Tổng Giám đốc quản lý rủi ro liên quan đến yếu tố kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình tài chính của các công ty được đầu tư bằng cách chọn lựa các ngành nghề kinh doanh và các công ty để đầu tư đồng thời phân nhiệm một bộ phận thường xuyên kiểm tra, theo dõi tình hình hoạt động tại các công ty đầu tư. Hội Đồng Quản Trị của Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu. Yếu tố rủi ro liên quan đến điều kiện thị trường tự bản thân nó bị ảnh hưởng bởi các điều kiện kinh tế chung của Việt Nam và các hành vi của các nhà đầu tư, nằm ngoài khả năng kiểm soát của Ban Tổng Giám đốc



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

MẪU SỐ B 09-DN/HN

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có các chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không.

**Quản lý rủi ro thanh khoản**

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tình thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tình thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Các bảng này trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

**Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013:**

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 đến 5 năm VND	Sau 5 năm VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 31/12/2013				
Tiền và tương đương tiền	193.523.136.494	-	-	193.523.136.494
Phải thu khách hàng	21.921.879.906	-	-	21.921.879.906
Phải thu khác	274.085.739.560	373.305.064	-	274.459.044.624
Đầu tư tài chính ngắn hạn	-	-	-	-
Đầu tư tài chính dài hạn	-	178.316.967.367	-	178.316.967.367
<b>Tổng cộng</b>	<b>489.530.755.960</b>	<b>178.690.272.431</b>	<b>-</b>	<b>668.221.028.391</b>
Tại ngày 31/12/2013				
Vay và nợ	17.324.102.169	58.700.000.000	20.800.000.000	96.824.102.169
Phải trả người bán	749.626.402	-	-	749.626.402
Phải trả khác	34.816.783.738	-	-	34.816.783.738
Chi phí phải trả	140.522.800	-	-	140.522.800
<b>Tổng cộng</b>	<b>53.031.035.109</b>	<b>58.700.000.000</b>	<b>20.800.000.000</b>	<b>132.531.035.109</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>436.499.720.851</b>	<b>119.990.272.431</b>	<b>(20.800.000.000)</b>	<b>535.689.993.282</b>

11/11  
 CÔNG  
 HANH  
 M.T  
 AN T  
 UỐT  
 MA

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

MẪU SỐ B 09-DN/HN

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012:**

	<b>Dưới 1 năm</b>	<b>Từ 1 đến 5 năm</b>	<b>Sau 5 năm</b>	<b>Tổng cộng</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tại ngày 01/01/2013				
Tiền và tương đương tiền	28.128.866.469	-	-	28.128.866.469
Phải thu khách hàng	384.443.906	29.154.929.612	-	29.539.373.518
Phải thu khác	68.836.874.578	-	-	68.836.874.578
Đầu tư tài chính ngắn hạn	64.812.905.233	-	-	64.812.905.233
Đầu tư tài chính dài hạn	-	617.796.866.339	-	617.796.866.339
<b>Tổng cộng</b>	<b>162.163.090.186</b>	<b>646.951.795.951</b>	<b>-</b>	<b>809.114.886.137</b>
Tại ngày 01/01/2013				
Vay và nợ	131.748.706	9.353.168.167	-	9.484.916.873
Phải trả người bán	89.451.030.455	16.095.762.906	-	105.546.793.361
Phải trả khác	-	232.600.326.637	-	232.600.326.637
<b>Tổng cộng</b>	<b>89.582.779.161</b>	<b>258.049.257.710</b>	<b>-</b>	<b>347.632.036.871</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>72.580.311.025</b>	<b>388.902.538.241</b>	<b>-</b>	<b>461.482.849.266</b>

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn. Chủ yếu khoản phải trả người bán phát sinh từ các bên liên quan, lịch thanh toán được điều chỉnh phù hợp để cân đối các khoản phải trả của Công ty.

**2. Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh**

Để phục vụ cho mục đích quản lý, Cơ cấu tổ chức của Công ty được chia thành các bộ phận khác nhau. Theo đó, báo cáo bộ phận chính yếu dựa trên loại hình hoạt động sản xuất kinh doanh, Công ty không báo cáo theo khu vực địa lý vì sự tập trung và nơi cung cấp hàng hóa dịch vụ của Công ty và công ty con đều tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Kết quả báo cáo bộ phận bao gồm: các khoản mục phân bổ trực tiếp cho một bộ phận cũng như cho các bộ phận được phân chia theo một cơ sở hợp lý. Các khoản mục không được phân bổ bao gồm: tài sản, nợ phải trả, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, lãi hoặc lỗ khác và thuế thu nhập doanh nghiệp.

Hoạt động chủ yếu của các bộ phận trên như sau:

Bộ phận thi công	: Thi công, cung cấp, lắp đặt các thiết bị xử lý môi trường.
Bộ phận đầu tư tài chính	: Hoạt động tài chính.
Bộ phận kinh doanh nước sạch	: Cung cấp nước sạch

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

**2. Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (Tiếp theo)**

Các thông tin bộ phận về hoạt động kinh doanh, đầu tư của Công ty như sau:

	<b>Thi công công trình</b> Năm 2013	<b>Đầu tư tài chính</b> Năm 2013	<b>Kinh doanh nước sạch</b> Năm 2013	<b>Tổng cộng</b> Năm 2013
<b>Doanh thu</b>				
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	6.895.048.842	-	30.005.274.250	36.900.323.092
Doanh thu thuần từ hoạt động tài chính	-	62.700.770.548	-	62.700.770.548
<b>Tổng doanh thu</b>	<b>6.895.048.842</b>	<b>62.700.770.548</b>	<b>30.005.274.250</b>	<b>99.601.093.640</b>
<b>Chi phí</b>				
Chi phí giá vốn bộ phận	8.823.271.840	-	19.882.728.698	28.706.000.538
Chi phí hoạt động tài chính	-	55.753.627.879	-	55.753.627.879
<b>Tổng chi phí</b>	<b>8.823.271.840</b>	<b>55.753.627.879</b>	<b>19.882.728.698</b>	<b>84.459.628.417</b>
<b>Kết quả kinh doanh bộ phận</b>	<b>(1.928.222.998)</b>	<b>6.947.142.669</b>	<b>10.122.545.552</b>	<b>15.141.465.223</b>
Chi phí bán hàng				461.996.860
Chi phí quản lý doanh nghiệp				16.830.866.237
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động sản xuất kinh doanh</b>				<b>(2.151.397.874)</b>
Thu nhập khác				99.472.315
Chi phí khác				117.210.893
Phần lãi lỗ trong công ty liên kết				2.082.174.224
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp				-
<b>Tổng lợi nhuận sau thuế</b>				<b>(86.962.228)</b>

**3. Nghiệp vụ và số dư với bên liên quan**

Trong năm công ty đã có giao dịch sau với bên liên quan:

	<b>Mối quan hệ</b>	<b>Năm 2013 VND</b>
<b>Chi phí lãi vay phải trả</b>		
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh	Công ty liên kết	10.977.004.026
<b>Doanh thu tài chính từ chuyển nhượng vốn góp</b>		
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh	Công ty liên kết	<u>58.673.596.006</u>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

MẪU SỐ B 09-DN/HN

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**3. Nghiệp vụ và số dư với bên liên quan (Tiếp theo)**

**Số dư với bên liên quan**

	<u>31/12/2013</u> VND	<u>01/01/2013</u> VND
<b>Các khoản phải thu</b>		
Phải thu cổ tức từ công ty liên kết - Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Cầu đường Bình Triệu	-	13.426.176.538
Phải thu công ty liên kết - Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh	272.670.714.696	-
<b>Các khoản trả</b>		
Phải trả cho công ty liên kết - Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh	-	198.926.261.815
<b>Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc</b>		
	<u>Năm 2013</u> VND	<u>Năm 2012</u> VND
Lương và thưởng	1.620.666.675	1.245.166.671

**4. Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ kế toán**

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2013 đòi hỏi phải được điều chỉnh hay trình bày trong Báo cáo tài chính.

**5. Số liệu so sánh**

Số liệu so sánh của các chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính là số liệu tương ứng trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 đã được kiểm toán.



Trương Khắc Hoàn  
 Tổng Giám đốc  
 Ngày 27 tháng 3 năm 2014

Bùi Quốc Dũng  
 Kế toán trưởng

Trần Thị Ngọc Loan  
 Người lập biểu



Trên đây là báo cáo thường niên năm 2013 của Công ty Cổ phần Hạ tầng nước Sài Gòn, kính thông báo đến Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM, quý cổ đông, quý nhà đầu tư được rõ.

Trân trọng.

*TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 04 năm 2014*

  
TỔNG GIÁM ĐỐC  
CÔNG TY  
CỔ PHẦN  
HẠ TẦNG NƯỚC  
SÀI GÒN  
QUẬN 1 - TP. HỒ CHÍ MINH  
Trương Khắc Hoàn